

Tuần: 1-3 (Tiết 1.2.3)
Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 1/9/2022
Ngày dạy: 6,12,19/9/2022
Ngày duyệt: 6/9/2022

CHỦ ĐỀ 1: TỤC NGŨ, PHƯƠNG NGŨ NAM ĐỊNH
BÀI 1. TỤC NGŨ NAM ĐỊNH
(Thời lượng 3 tiết: Tiết 1,2,3)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết một số đặc điểm nội dung, hình thức của tục ngữ Nam Định.
- Hiểu được đặc điểm phương ngữ Nam Định (ngữ âm, từ vựng,...) trong tương quan với ngôn ngữ toàn dân.
- Sử dụng hoặc hạn chế sử dụng phương ngữ một cách phù hợp trong các hoàn cảnh giao tiếp khác nhau.
- Có tình cảm, thái độ tôn trọng, kế thừa và phát huy những ưu điểm của phương ngữ Nam Định.

2. Năng lực:

- Nhận biết được nội dung; yếu tố nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp...) và các đặc điểm hình thức (số lượng, câu chữ, vần...) của tục ngữ.
- Trình bày suy nghĩ của bản thân về một số câu tục ngữ Nam Định dưới dạng viết hoặc nói.
- Biết viết đoạn văn nêu cảm nhận, suy nghĩ về tục ngữ địa phương.
- Phát triển được các kĩ năng, năng lực thực tiễn có liên quan.

3. Phẩm chất:

- Biết trân trọng, có ý thức giữ gìn, phát huy giá trị của tục ngữ địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Sách giáo khoa GDĐP 7 tỉnh Nam Định.
2. Giáo án, bảng phụ, bút dạ, phiếu bài tập; Máy tính, tivi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Huy động kiến thức nền, hiểu biết của HS về các câu tục ngữ, ca dao nói về quê hương Nam Định để kết nối với bài học.
- Tạo tâm thế hứng thú cho HS tìm hiểu bài.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã biết để trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV nêu nhiệm vụ: Hãy đọc đoạn văn trong sách giáo khoa trang 33 và trả lời câu hỏi:

Nằm trong kho tàng "trí khôn dân gian" của cha ông, tục ngữ Nam Định là một bộ phận của tục ngữ Việt Nam, mang nhiều nội dung và tính chất chung của tục ngữ Việt Nam. Trên nền tảng chung ấy, với số lượng tương đối nhiều và giá trị cao, sở hữu những dấu ấn riêng, tục ngữ Nam Định phần nào thể hiện truyền thống văn hoá và trí tuệ dân gian của người Nam Định. Trong bài học này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu

những đặc sắc ấy qua các câu tục ngữ đã được hình thành và sử dụng lâu đời trên mảnh đất quê hương.

Em hiểu "trí khôn dân gian" là gì? Cho ví dụ qua một số câu tục ngữ, ca dao hay truyện dân gian mà em đã biết.

*** Bước 2 : Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ và trả lời dựa vào hiểu biết của bản thân và sưu tầm

*** Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động**

- HS trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung.

*** Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá: “Trí khôn dân gian” là tất cả những kinh nghiệm hay nhất của toàn bộ những người khôn ngoan ở khắp mọi nơi : trên rừng, dưới biển, ngoài sông, trong núi v.v.. Tục ngữ là thành tựu của ngôn ngữ, của trí tuệ và kinh nghiệm sống của loài người. Lý do tiếp theo khiến tục ngữ trở thành trí khôn vì nó là kinh nghiệm của nhiều thế hệ loài người đã từng trải qua lao động sản xuất, đã từng sống trong những hoàn cảnh nghiệt ngã nhất như thiên tai, bệnh hoạn, đói khát, chiến tranh. Từ đó, cha ông ta đã dùng trí tuệ để rút ra những kinh nghiệm rồi truyền lại cho thế hệ con cháu để con cháu mình thành công hơn lớp người đi trước.

- GV dẫn dắt vào bài: Trong dòng chảy lịch sử của văn học dân tộc, văn học Nam Định bên cạnh những đặc điểm chung còn mang những nét đặc trưng, tiêu biểu cho vùng đất này. Có thể nói, kho tàng tục ngữ Nam Định là nơi dung chứa gần như trọn vẹn kinh nghiệm dân gian của cha ông được đúc kết từ ngàn đời. Thông qua tục ngữ, chúng ta có thể tìm thấy những bài học giá trị về tự nhiên, xã hội và con người. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về các câu tục ngữ tiêu biểu để thấy được những nét văn hóa và đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc tỉnh Nam Định.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái quát về tục ngữ Nam Định

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được nội dung; yếu tố hình thức cơ bản của một số câu tục ngữ tiêu biểu của Nam Định.

b. Nội dung: Đọc và tìm hiểu về các đặc điểm nội dung, hình thức của tục ngữ Nam Định.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói/ viết ra bảng phụ/ viết ra phiếu bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu về tục ngữ Nam Định: 1. Em hãy cho biết, những câu tục ngữ như thế nào được coi là “tục ngữ Nam Định”? Hiện nay, theo các tài liệu sưu tầm, nghiên cứu, Nam Định có khoảng bao nhiêu câu tục ngữ? 	I. Khái quát về tục ngữ Nam Định 1. Tục ngữ Nam Định - Tục ngữ Nam Định là những câu tục ngữ thường do nhân dân Nam Định sáng tạo và sử dụng dựa trên việc đúc rút những kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, cũng như về đời sống xã hội của con người trên mảnh đất quê hương. □ Căn cứ nhận diện tục ngữ Nam Định là dựa vào nội dung phản ánh và địa bàn xuất hiện, lưu hành phổ biến của chúng ở vùng đất ND.

..... 2. Tục ngữ Nam Định phản ánh những nội dung nào? 	- Hiện nay, sưu tầm được 149 câu tục ngữ Nam Định (công trình Tục ngữ - ca dao Nam Định – Trần Đăng Ngọc) □ số lượng khá lớn, là một bộ phận quan trọng của văn học dân gian Nam Định. 2. Nội dung tục ngữ Nam Định: xoay quanh 3 chủ đề - <i>Phản ánh kinh nghiệm về lao động, sản xuất:</i> kinh nghiệm về công việc, nghề nghiệp trong nhiều lĩnh vực từ nông nghiệp, ngư nghiệp đến thủ công, mĩ nghệ... - <i>Phản ánh các hiện tượng lịch sử, xã hội, văn hóa của Nam Định:</i> các lễ hội, đời sống tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa cộng đồng... - <i>Thể hiện một số triết lí, suy ngẫm của người Nam Định:</i> nhiều phẩm chất riêng được bộc lộ qua các câu tục ngữ (sự sành sỏi, tinh tế khi đánh giá, thẩm định các sản vật vùng miền; sự tài hoa, khéo léo trong sản xuất đồ thủ công mĩ nghệ, sự tự hào về những giá trị, phẩm chất của con người vùng đất quê hương.
- GV cùng HS phân tích các ví dụ trong trang 33, 34, 35 SGK để làm rõ các đặc điểm về nội dung của tục ngữ Nam Định. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thầm văn bản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2 HS đọc trước lớp. cả lớp chú ý lắng nghe. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.	

Hoạt động 2: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết được nội dung; yếu tố hình thức cơ bản của câu ca dao tiêu biểu của Nam Định.

b. Nội dung: HS đọc văn bản và xác định các yếu tố hình thức của ca dao

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS cách đọc các bài tục ngữ: đọc chậm rãi, chú ý ngắt nhịp. - GV yêu cầu HS: Em hãy đọc kĩ toàn bộ các câu tục ngữ được dẫn trong sách (trang 8, 9) từ đó đưa ra nhận xét về hình thức của các câu tục ngữ (về cấu trúc, vần, nhịp...) Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thầm văn bản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2 HS đọc trước lớp. cả lớp chú	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản - Phương thức biểu đạt: nghị luận - Hình thức thể hiện: + Câu nói ngắn gọn, có vần điệu + Cách ngắt nhịp đa dạng: 4/7, 4/4, 3/8

ý lắng nghe.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Trình bày các đặc điểm hình thức, nội dung của bài tục ngữ.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia lớp thành 6 nhóm: ● Nhóm 1, 3: Tục ngữ thể hiện kinh nghiệm về thời tiết ● Nhóm 2, 5: Tục ngữ thể hiện kinh nghiệm về lao động, sản xuất ● Nhóm 4, 6: Tục ngữ về lễ hội lớn ở Nam Định - GV yêu cầu HS cả lớp thảo luận nhóm, mỗi nhóm thảo luận về 1 nhóm tục ngữ và trình bày theo dàn ý sau: a. Nhận xét số tiếng, số dòng trong mỗi câu tục ngữ. b. Xác định vần và kiểu vần được sử dụng c. Câu tục ngữ có sử dụng từ địa phương không, nếu có hãy nêu tác dụng. Nêu nội dung của mỗi câu tục ngữ d. Đánh giá giá trị về kinh nghiệm mà mỗi câu tục ngữ thể hiện.	II. Đọc - hiểu văn bản 1. Tục ngữ về thiên nhiên, lao động sản xuất * Tục ngữ thể hiện kinh nghiệm về thời tiết - Ba đen ba đỏ, ai không rõ thì ăn cơm đèn + Số tiếng: 11 tiếng + Ngắt nhịp: 4/7 + Số dòng: 1 dòng + Vần và kiểu vần: vần “o” (đỏ - rõ), thuộc kiểu vần lưng. + Nội dung: giải thích về một hiện tượng tự nhiên vùng ven biển Nam Định Vào những ngày đầu năm, thời tiết buổi chiều thường sầm sì không tối hẳn, cứ hừng nắng rồi lại tối dần, ba lần □ Kinh nghiệm: chờ đến lúc trời hừng sáng trở lại để sinh hoạt bình thường, ai không biết sẽ phải thắp đèn ăn cơm giữa ban ngày khi thấy trời sầm tối. + Giá trị kinh nghiệm: câu tục ngữ là kinh nghiệm nhắc nhở mọi người sinh hoạt phù hợp với điều kiện thời tiết của địa phương. - Tháng Tám trâu ra, tháng ba trâu về + Số tiếng: 8 tiếng + Ngắt nhịp: 4/4 + Vần và kiểu vần: vần “a” (ra-ba), thuộc kiểu vần lưng. + Nghệ thuật: tiểu đối giữa hai vế câu. - Nội dung: dân gian đã gợi cách nhớ thời điểm triều lên – triều xuống qua hình ảnh

Nhóm:.....

Phiếu học tập: tìm hiểu câu tục ngữ

...

Thuộc nhóm

Đặc điểm

Số dòng, số tiếng

Vần

Nội dung		
Giá trị, kinh nghiệm		
* Bước 2 : Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc thảo luận và trả lời. * Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động - GV gọi 1-2 HS trả lời, các HS khác chú ý lắng nghe và nhận xét. - HS: Làm việc cá nhân, trả lời * Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: nhận xét, bổ sung - GV: nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, chuẩn kiến thức và ghi bảng. - GV chiếu một hình ảnh để HS mở rộng kiến thức:		
		quen thuộc thời gian trâu ra đồng - về chuồng: ● Trâu ra đồng thường vào buổi sáng – nước triều lên vào sáng. ● Trâu về chuồng vào buổi chiều – nước triều lên vào buổi chiều □ Ở vùng ven biển, vào tháng Tám (mùa thu), nước triều lên vào buổi sáng, vào tháng Ba (mùa xuân), nước triều lên vào buổi chiều - Giá trị kinh nghiệm: Câu tục ngữ là kinh nghiệm về thời điểm nước triều thay đổi, từ đó mọi người chủ động sắp xếp công việc, đặc biệt với những người đánh bắt thủy sản ở biển. * Tục ngữ thể hiện kinh nghiệm về lao động, sản xuất - Hội chùa Keo, cấy bí ngô không leo cũng có quả + Số tiếng: 11 tiếng + Văn: “eo (Keo – leo) □ văn lưng + Nội dung: Hội chùa Keo (10-16/9 âm lịch), cũng là thời vụ trồng bí ngô để đạt được năng suất cao + Giá trị kinh nghiệm: Câu tục ngữ là kinh nghiệm về thời điểm gieo trồng bí ngô □ nhắc nhở mọi người về ý nghĩa của thời vụ trong nông nghiệp - Tháng Chín mưa rười, tháng Mười mưa rậm + Số tiếng: 8 tiếng + Ngắt nhịp: 4/4 + Văn và kiểu văn: văn “rười” (rười – Mười), văn lưng + Nội dung: Hằng năm, vào ngày 20 tháng Chín và mùng 5 tháng Mười âm lịch, tại một số vùng nước lợ ở Nam Định như huyện Trực Ninh, một số xã thuộc huyện Hải Hậu và một số xã thuộc huyện Nghĩa Hưng, thủy triều thường dâng lên cao, ngập các chân ruộng khiến rười và rậm nổi lên nhiều. - Giá trị: Nhân dân đã tổng kết kinh nghiệm về thời điểm để thu hoạch được nhiều rười và rậm. 2. Tục ngữ phản ánh các hiện tượng lịch sử, xã hội, văn hóa của Nam Định

	* Tục ngữ về lễ hội lớn ở Nam Định - Bỏ con bỏ cháu, không ai bỏ hai sáu chợ Yên Bổ tổ bỏ tiên, không ai bỏ chợ Viềng mừng tám. + Số tiếng: 22 tiếng – 2 dòng + Văn và kiểu văn: ● cháu - sáu (văn lưng) ● Tiên – Viềng + Ngắt nhịp: 4/7 + Nội dung: Câu tục ngữ nhắc đến ● Thời điểm họp chợ Yên: ngày 26 tháng Chạp □ giáp Tết Nguyên Đán, chợ họp. ● Thời điểm chợ Viềng: mùng Tám tháng Giêng □ họp chợ, trò chơi đông vui. □ niềm tự hào về địa danh, truyền thống văn hóa của địa phương - Tháng Tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ - Số tiếng: 8 tiếng - Ngắt nhịp: 4/4 - Nội dung: Lễ giỗ Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn vào ngày 20 tháng Tám âm lịch tại đền Bảo Lộc (Xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc). Lễ hội tưởng nhớ thánh mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Dầy (Xã Kim Thái, huyện Vụ Bản) vào ngày mùng 3 tháng Ba âm lịch. - Giá trị: Câu tục ngữ nhắc nhở mọi người về hai ngày giỗ quan trọng, qua đó thể hiện truyền thống đạo lý tốt đẹp “uống nước nhớ nguồn”.																						
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn Nhiệm vụ: Hãy thống kê các sản vật và các địa phương được nhắc đến trong các bài ca dao theo mẫu sau: <table border="1" data-bbox="212 1711 842 1917"> <tr> <th>Sản vật</th><th>Địa danh</th></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> </table>	Sản vật	Địa danh									3. Tục ngữ về các làng nghề và sản vật quê hương <table border="1" data-bbox="873 1592 1489 2042"> <tr> <th>Sản vật</th><th>Địa danh</th></tr> <tr> <td>Cải</td><td>Làng An Đạo, xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường</td></tr> <tr> <td>Gạo</td><td>Làng Văn Phú, xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường</td></tr> <tr> <td>Dừa</td><td>Làng Vóc, xã Bình Minh, huyện Nam Trực</td></tr> <tr> <td>Thóc</td><td>Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực</td></tr> <tr> <td>Làng rèn</td><td>Làng Vân, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực</td></tr> </table>	Sản vật	Địa danh	Cải	Làng An Đạo, xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường	Gạo	Làng Văn Phú, xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường	Dừa	Làng Vóc, xã Bình Minh, huyện Nam Trực	Thóc	Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực	Làng rèn	Làng Vân, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực
Sản vật	Địa danh																						
Sản vật	Địa danh																						
Cải	Làng An Đạo, xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường																						
Gạo	Làng Văn Phú, xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường																						
Dừa	Làng Vóc, xã Bình Minh, huyện Nam Trực																						
Thóc	Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực																						
Làng rèn	Làng Vân, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực																						

- GV đặt câu hỏi: <i>Theo em, qua các câu tục ngữ giúp em hiểu thêm điều gì về sản vật của quê hương?</i> * Bước 2 : Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc thảo luận và trả lời. * Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động - GV gọi 1-2 HS trả lời, các HS khác chú ý lắng nghe và nhận xét. - HS: Làm việc cá nhân, trả lời * Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: nhận xét, bổ sung - GV: nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, chuẩn kiến thức và ghi bảng. - GV chiếu một hình ảnh để HS mở rộng kiến thức.	<table border="1" data-bbox="874 152 1493 235"> <tr> <td>Dệt vải</td><td>Làng Sen, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực</td></tr> </table> - Nghệ thuật: liệt kê các sản vật, tình lược giúp câu tục ngữ ngắn gọn dễ nhớ. □ Mảnh đất Nam Định có nhiều đặc sản, nhiều làng nghề truyền thống nổi tiếng. Điều đó cũng thể hiện sự tài hoa, khéo léo của con người tạo nên những sản vật và nhân dân cũng thể hiện niềm tự hào về quê hương.	Dệt vải	Làng Sen, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực
Dệt vải	Làng Sen, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực		
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi: Đọc phần chú thích và trình bày đặc điểm nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của 3 câu tục ngữ. - GV đặt câu hỏi: <i>Theo em, qua các câu tục ngữ giúp em hiểu thêm điều gì con người vùng đất Nam Định?</i> * Bước 2 : Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: - HS: làm việc thảo luận và trả lời. * Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động - GV gọi 1-2 HS trả lời, các HS khác chú ý lắng nghe và nhận xét. - HS: Làm việc cá nhân, trả lời * Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: nhận xét, bổ sung - GV: nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, chuẩn kiến thức và ghi bảng.	4. Tục ngữ về con người địa phương - Trai Giang Tả, gái Lã Điền + Số tiếng: 6 tiếng + Gieo vần: “a” (Tả - Lã), vần lưng + Ngắt nhịp: 3/3 + Nội dung: Con trai Giang tả nổi tiếng ăn chơi, hào phóng; con gái Lã Điền nổi tiếng xinh đẹp, khôn ngoan. - Làm quan họ Đặng, đánh giặc họ Trần + Số tiếng: 8 tiếng + Gieo vần: Đặng – giặc (vần lưng) + Nội dung: Họ Đặng làng Hành Thiện (Xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường) nổi tiếng học giỏi, đỗ đạt làm quan. Họ Trần nổi tiếng với chiến công đánh giặc Mông Nguyên. - Đậu phụ Thủy Nhai, tú tài Hành Thiện + Số tiếng: 8 tiếng + Gieo vần: “ai” (nhai – tài), vần lưng + Nội dung: Làng Thủy Nhai (xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường) nổi tiếng về nghề làm đậu phụ, làng Hành Thiện (xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường) nổi tiếng		

- GV chiếu một hình ảnh để HS mở rộng kiến thức.	vì có nhiều người đỗ đạt cao trong các kì thi Nho học, trong đó những người đỗ Tú tài rất nhiều.
Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu nghệ thuật và nội dung ý nghĩa. Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS: + <i>Qua tìm hiểu văn bản, em có nhận xét gì về nội dung và nghệ thuật thể hiện trong văn bản.</i> + <i>Hãy nêu nhận xét về cấu trúc, nhịp điệu, cách gieo vần của các câu tục ngữ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2-3 HS phát biểu trước lớp. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức □ Ghi lên bảng.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Tục ngữ Nam Định phản ánh nhận thức và các kinh nghiệm về thời tiết, lao động và con người, xã hội. Qua đó thể hiện vốn tri thức dân gian phong phú và đa dạng của người dân Nam Định 2. Nghệ thuật - Câu nói ngắn gọn, có nhịp điệu, cách gieo vần, hình ảnh gần gũi □ dễ nhớ, dễ thuộc.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức về văn bản đã học.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS đưa ra được các phương án đúng theo nội dung đã học của văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời: Sưu tầm thêm các câu tục ngữ ở Nam Định, phân loại và nêu nội dung chính của chúng.

- GV hướng dẫn HS có thể tìm thêm các cuốn sách: Tục ngữ - ca dao Nam Định (Nguyễn Nghĩa Dân, 2010), Tục ngữ - ca dao Nam Định (Trần Đăng Ngọc, 2011).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để sưu tầm, ghi chép

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả. HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét và đánh giá.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về bài để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: HS tìm đọc, ghi lại và suy ngẫm những văn bản có cùng chủ đề.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Lập bảng tìm hiểu một SỐ' đặc điểm tiêu biểu (về phong tục, con người, sản vật làng nghề,...) của các địa phương ở Nam Định được phản ánh qua các câu tục ngữ.
- GV lưu ý:
 - + Tìm hiểu thêm qua internet để có được những chi dẫn cụ thể trong bản thông tin.
 - + Có thể tham khảo mẫu bảng thông tin dưới đây.

T	Câu tục ngữ	Đối tượng được nhắc đến (Địa danh/Con người/Sản vật/Làng nghề/...)	Đặc điểm tiêu biểu (được phản ánh qua tục ngữ)
Phong tục Nam Định qua tục ngữ			
	- Bỏ con bỏ cháu, không ai bỏ hai sáu chợ Yên;	- Chợ Yên, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực.	- Xưa, chợ họp theo phiên, nổi tiếng nhất là phiên họp ngày 26 tháng Chạp, nức tiếng đông vui.
1	Bỏ tô bỏ tiên, không ai bỏ chợ Viềng mồng tám.	- Chợ Viềng, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực. - Chợ Viềng. xã Kim Thái và một số vùng lân cận (xã Trung Thành, thị trấn Gôi), huyện Vụ Bản.	- Cả 2 chợ Viềng này đều họp đêm ngày 7, rạng ngày 8. Chợ được họp với ý nghĩa "mua may bán rủi", thu hút rất đông khách thập phương.

3. Từ bảng thông tin như trên và tìm hiểu thêm những nét đặc sắc trong văn hoá Nam Định, các em hãy thực hiện cuốn "Sổ tay du lịch Nam Định" với các nội dung chính sau:

- Phần 1. Các làng nghề tại Nam Định
- Phần 2. Sản vật của Nam Định
- Phần 3. Lễ hội ở Nam Định
- Phần 4. Danh thắng ở Nam Định

(Mỗi nhóm học sinh trong lớp có thể thực hiện một nội dung để hoàn thành dự án trên. Ngoài những thông tin cơ bản, có thể viết bài giới thiệu, nêu cảm nhận ở mỗi nội dung trên.)

4. Từ việc quan sát hoặc từ những hiểu biết về các hiện tượng tự nhiên và đời sống ở địa phương, em hãy thử sáng tác một vài câu tục ngữ (phỏng theo các câu tục ngữ đã được học hoặc đã sưu tầm được).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, hoàn thành bài tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và báo cáo vào tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày đoạn văn trước lớp.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS: Hoàn thành bài tập về nhà và đọc trước tiết sau.

Tuần: 4-7
Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 10/9/2022
Ngày dạy: 26/9- 3,10/10/2022
Ngày duyệt: 26/9/2022

BÀI 2. PHƯƠNG NGỮ NAM ĐỊNH

(Thời lượng 4 tiết: Tiết 4.5.6.7)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Hiểu được đặc điểm phương ngữ Nam Định (ngữ âm, từ vựng,...) trong tương quan với ngôn ngữ toàn dân.
- Sử dụng hoặc hạn chế sử dụng phương ngữ một cách phù hợp trong các hoàn cảnh giao tiếp khác nhau.

2. Năng lực:

- Nhận biết được nội dung; yếu tố nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp...) và các đặc điểm hình thức (số lượng, câu chữ, vần...) của tục ngữ.
- Trình bày suy nghĩ của bản thân về một số câu tục ngữ Nam Định dưới dạng viết hoặc nói.
- Biết viết đoạn văn nêu cảm nhận, suy nghĩ về tục ngữ địa phương.
- Phát triển được các kĩ năng, năng lực thực tiễn có liên quan.

3. Phẩm chất:

- Có tình cảm, thái độ tôn trọng, kế thừa và phát huy những ưu điểm của phương ngữ Nam Định.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Sách giáo khoa GDĐP 7 tỉnh Nam Định.
2. Giáo án, bảng phụ, bút dạ, phiếu bài tập; Máy tính, tivi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Huy động kiến thức nền, hiểu biết của HS về các câu tục ngữ, ca dao nói về quê hương Nam Định để kết nối với bài học.
- Tạo tâm thế hứng thú cho HS tìm hiểu bài.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã biết để trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV nêu nhiệm vụ: Hãy đọc đoạn văn trong sách giáo khoa trang 39 và trả lời câu hỏi:

Phương ngữ Nam Định là một bộ phận của vùng phương ngữ Bắc Bộ, một trong ba vùng phương ngữ chính của Việt Nam: phương ngữ Bắc (Bắc Bộ), phương ngữ Trung (Bắc Trung Bộ) và phương ngữ Nam (Nam Trung Bộ và Nam Bộ). Trong vùng phương ngữ Bắc Bộ, phương ngữ Nam Định vừa mang những đặc điểm chung của phương ngữ Bắc Bộ lại vừa có một số đặc điểm riêng phản ánh lời ăn, tiếng nói và đằng sau đó là những nét đời sống vật chất, tinh thần của người Nam Định (và các khu vực lân cận).

Em hãy xác định phạm vi của vùng Bắc Bộ để làm cơ sở xác định phương ngữ Nam Định.

*** Bước 2 : Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ và trả lời dựa vào hiểu biết của bản thân.

*** Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động**

- HS trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung.

*** Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá: Vùng Bắc Bộ gồm các tỉnh thành vùng Trung du, miền núi Bắc Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng.

- GV dẫn dắt vào bài: Trong bài học này, các em sẽ được tìm hiểu một số đặc điểm để nhận ra những ưu điểm, nhược điểm của phương ngữ tỉnh nhà để phát huy hoặc khắc phục.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái quát về phương ngữ Nam Định

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được đặc điểm phương ngữ Nam Định.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói/ viết ra bảng phụ/ viết ra phiếu bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi sau: + <i>Thế nào là phương ngữ?</i> + <i>Phương ngữ Bắc có những đặc điểm cơ bản nào?</i> + <i>Phương ngữ Nam Định còn có thêm đặc điểm nào khác so với phương ngữ Bắc?</i>	I. Nhận diện phương ngữ Nam Định 1. Khái niệm - Phương ngữ là các biến thể của một ngôn ngữ được dùng cho một cộng đồng người nhất định. - Khái niệm phương ngữ ở đây chủ yếu được dùng với nghĩa phương ngữ lãnh thổ, tức là biến thể địa phương của ngôn ngữ toàn dân ở một khu vực địa lí/ lãnh thổ nhất định. Các phương ngữ này khác nhau chủ yếu ở phương diện ngữ âm và từ vựng. 2. Đặc điểm * Đặc điểm chung của phương ngữ Bắc Bộ - Về ngữ âm, nhìn chung phương ngữ Bắc rất gần với ngôn ngữ toàn dân (phát âm đủ 6 thanh điệu; nhưng không có sự phân biệt các cặp phụ âm tr/ch. - Về từ vựng, nhìn chung phương ngữ Bắc cũng gần gũi nhất với vốn từ vựng ngôn ngữ toàn dân (những từ ngữ phổ biến nhất, mới nhất,... ít các từ cổ, từ cá biệt). - Về ngữ pháp, phương ngữ Bắc có hệ thống ngữ pháp mang tính chất chung, tính phổ biến, được chọn dùng làm ngữ pháp cơ bản cho tiếng Việt toàn dân. * Đặc điểm riêng của phương ngữ Nam Định - Về ngữ âm: + Không phân biệt thật rõ hoặc lẫn lộn các nguyên âm: a/e (Ví dụ: lan man/ len men); ô/u (Ví dụ: chổi/ chửi); e/ie (Ví dụ: em/iem); ươ/ư

+ <i>Phương ngữ Nam Định có ưu và nhược điểm gì? Em hãy chia sẻ việc nên kế thừa hoặc sửa đổi những đặc điểm cụ thể trong phương ngữ Nam Định.</i>	(Ví dụ: bươi/bưởi); ư/ô (Ví dụ: vút/ vất); a/ô (Ví dụ: màu/màu),... + Không phân biệt thật rõ hoặc lẫn lộn các phụ âm đầu: l/n (Ví dụ: nói lên/lời nên); tr/t (Ví dụ: con trâu/ con trâu); s/th (nói sôi/nói thôi),... + Phân biệt một số phụ âm đầu theo xu hướng nhấn mạnh: tr/s/r (rõ hơn so với các địa phương khác trong vùng phương ngữ Bắc) khiến cách phát âm trở nên “nặng” hơn. - Về từ vựng: + Một số cách xưng hô cổ vẫn được sử dụng: cậu/bác (bố), mợ (mẹ), thầy (bố), u/bu (mẹ),... + Một số từ cổ chỉ sự vật vẫn tồn tại ở nhiều địa phương: con rốc (một loại cua nhỏ), con lênh dềnh (bồ nông), cừ (kênh mương), nước bạc (nước lũ),... + Ngoài ra, một số từ cổ vẫn được bảo lưu trong các tác phẩm văn học (ca dao, tục ngữ, truyện dân gian, thơ,...): ngày (nay), nước mè, chăm, tao - tuyết (tao đoạn, giai đoạn), thôi (đoạn), nải (nải dưa), chốn (nơi), khúc nhôi (tấm lòng),... + Một số từ chỉ hoạt động đôi khi vẫn lưu hành trong ngôn ngữ nói: nhờn (chơi), ngổ hầu (hi vọng, để), ruộm (nhuộm, đậm), nói chổng (nói đùa), chiêm (trình, thưa), dòm (nhìn lén), lăm (dự định), rọi (đạp, chạm), lao (đo, đong),... + Từ ngữ chỉ tính chất, trạng thái: nhở nhàng (lờ lờ), trèm mép (bẻm mép), cà (lờn), tháp tho (nhô lên, đặt xuống, thập thò), đốn (gạo đốn: gạo bị gãy vỡ nhiều), lỏi (cày lỏi: không đồng đều, dối), vợ (dại dột), ngòn (đậm),... + Các phụ từ: chửa (chưa), trả (không), đặng (để), mấy lại (vội lại, hơn nữa), nhấy? (nhỉ?), cơ mà (nhưng mà), à cơ? (ạ?),... - Ưu điểm và hạn chế: + Ưu điểm của nó là phản ánh cũng như tạo nên bản sắc riêng trong lời ăn tiếng nói của người Nam Định, đáp ứng nhu cầu đời sống thực tế trong lịch sử của địa phương. + Nhược điểm là một số hiện tượng tạo ra sự sai biệt, kém thống nhất, chậm phát triển so với ngôn ngữ toàn dân. □ người dân địa phương cần chọn lọc những yếu tố còn giá trị sử dụng và mạnh dạn gạt bỏ, sửa đổi những yếu tố lạc hậu hoặc hạn chế (đặc biệt về ngữ âm và chính tả) để hoà nhập với ngôn ngữ toàn dân.
---	---

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thầm văn bản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2 HS đọc trước lớp. cả lớp chú ý lắng nghe. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.	
---	--

Hoạt động 2: Thực hành về chính tả và phát âm

a. Mục tiêu: Biết được các lỗi chính tả và sửa đúng.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Phát hiện những lỗi chính tả và sửa lại cho đúng

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS đọc bài tập trang 41: Phát hiện những lỗi chính tả và sửa lại cho đúng

- Văn ôn võ nuyện; tay nằm hàm nhai; ba chìm bảy nổi chín nênh dênh; một điều nhịn, chín điều nành; vụng múa chê đất nệch; năm lọ cọ năm kia; một người no bằng một kho người nằm; đôi mắt núng niếng; uống lược nhớ nguồn; phố phường tấp lập; da dẻ lòn nà; không thầy đồ mảy làm lên;
- Danh bất hư chuyên; trí chá; trâm ngôn; bóng truyền; châu trực; trớt nhả; chót chân; chân đằm đá chân triêu; chước xau như một; ăn quả nhớ kẻ trồng cây; ăn tráo đá bát; vụng trèo khéo chống; vác chống qua cửa nhà xâm; nhà cửa khang chang; chánh vỏ dừa, gập vỏ dừa;
- Sả thân; từ bi hỉ sả; lọt xàng xuống nia; xây nhà ra thất nghiệp; nhường cơm xẻ áo; mệnh mông bê Xở; nhà cửa xan xát; áo quần súng xính; tiếng nói xẽ xàng; tham xân xi; đáng đi siêu vẹo; bát cơm xẻ nửa; nước xóng sánh; tốt gỗ hơn tốt nước sơn; đi một ngày đàng, học một sàng khôn;
- Qua cầu dút ván; dúi da dúi dít; nhớ ra diết; ve kêu dâm dan; tiếng nhạc ru dương; áo lành đùm áo rách; giàu tích; dẫu giếm; tiền bạc dùng dĩnh; múa diều qua mắt thợ; tháng ngày dòng dãi; vàng dòng; tiếng cười ròn rã; mưa rơi dãi dích;

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả. HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức

Các lỗi sai

- Văn ôn võ **nuyện**; tay **nằm** hàm nhai; ba chìm bảy nổi chín **nênh** dênh; một điều nhịn, chín điều **nành**; vụng múa chê đất **nệch**; năm **lọ** cọ năm kia; một người no bằng một kho người **nằm**; đôi mắt **núng niếng**; uống **lược** nhớ nguồn; phố phường tấp **lập**; da dẻ **lòn nà**; không thầy đồ mảy làm **lên**;

- Danh bất hủ **chuyên**; trí **chá**; **trâm** ngôn; bóng **truyền**; châu **trực**; **trớt** nhả; **chốt** chân; chân đấm đá chân **triêu**; **chước** xau như một; ăn quả nhớ kẻ **chồng** cây; ăn **tráo** đá bát; vụng **trèo** khéo chống; vác **chống** qua cửa nhà xâm; nhà cửa khang **chang**; **chánh** vỏ dừa, gập vỏ dừa;

- **Sả** thân; từ bi hỉ **sả**; lột **xàng** xuống nia; **xây** nhà ra thất nghiệp; nhường cơm **xẻ** áo; mệnh mông bê **xở**; nhà cửa **xan xát**; áo quần **súng** xính; tiếng nói **xẽ xàng**; tham **xân xi**; đáng đi **siêu** vẹo; bát cơm **xẻ** nửa; nước **xóng** sánh; tốt gỗ hơn tốt nước **xơn**; đi một ngày đàng, học một **xàng** khôn;

- Qua cầu **dút** ván; **đúu da đúu dít**; nhớ **ra** diết; ve kêu **dâm dan**; tiếng nhạc **ru** dương; áo lành đùm áo **dách**; giàu tích; **dấu** giếm; tiền bạc dùng dính; múa **điêu** qua mắt thợ; tháng ngày dòng dãi; vàng dòng; tiếng cười ròn rã; mưa rơi **dả** dích;

Cách sửa:

- Văn ôn võ **luyện**; tay **làm** hàm nhai; ba chìm bảy nổi chín **lênh** đênh; một điều nhin, chín điều **lành**; vụng múa chề đất **lệch**; năm **nọ** cọ năm kia; một người **lo** bằng một kho người **lâm**; đôi mắt **lúng liếng**; uống **nước** nhớ nguồn; phố phường tập **nập**; da dẻ **nồn nà**; không thầy đồ mầy làm **nên**;

- Danh bất hủ **truyền**; trí **trá**; **châm** ngôn; bóng **chuyên**; châu **chực**; **chốt** nhả; **chốt** chân; chân đấm đá chân **chiêu**; **trước** sau như một; ăn quả nhớ kẻ **trông** cây; ăn **cháo** đá bát; vụng **chèo** khéo chống; vác **trống** qua cửa nhà xâm; nhà cửa khang **trang**; **tránh** vỏ dừa, gập vỏ dừa;

- **Xả** thân; từ bi hỉ **Xả**; lột **Sàng** xuống nia; **Sẩy** nhà ra thất nghiệp; nhường cơm **sẻ** áo; mệnh mông bê **xở**; nhà cửa **san sát**; áo quần **xúng** xính; tiếng nói **Sẻ sàng**; tham **sân si**; đáng đi **xiêu** vẹo; bát cơm **sẻ** nửa; nước **sóng** sánh; tốt gỗ hơn tốt nước **sơn**; đi một ngày đàng, học một **sàng** khôn;

- Qua cầu **rút** ván; **riú ra riú rít**; nhớ **da** diết; ve kêu **râm ran**; tiếng nhạc **du** dương; áo lành đùm áo **rách**; giàu tích; **giấu** giếm; tiền bạc **đủng** dính; múa **riú** qua mắt thợ; tháng ngày dòng dãi; vàng dòng; tiếng cười ròn rã; mưa rơi **rả** dích;

Nhiệm vụ 2: Điền vào chỗ trống

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS đọc bài tập trang 42: Điền vào chỗ trống

- 1 hay n?
...ặng ...ê; ...ung ...inh; ...ôn ...óng; ...ú ...ăn; mo ...ang; ...ờ ...àng; ...ấp ...iếm; ...ênh
đênh; ...ối ...óng; ...ộ trình; ...o ...ê; ...úng ...ính.
- tr hay ch?
...òn ...ính; ...ông ...ờ; ...ơ ...ên; ...anh ...ấp; ...ò ...ơi; ...i ...ả; ...ứng ...im; ...ung ...ính
; ...ú ...ọng; ...ậm ...ê.
- s hay x?
...ản ...uất; ...uất ...ắc; ...uân ...ắc; ...ử ...ự; ...ấp ...ếp; ...an ...ẻ; ...ợ ...ệt; ...ông ...ênh;
...ính ...ống; ...ốn ...ang; ...ục ...ạo; ...ức ...ống.
- r, d hay gi?
...ực ...ờ; ...ung ...inh; ...un ...ấy; ...ồ ...ại; ...èn ...
ùa; ...ung ...ật; ...âm ...úi; ...âm ...an; ...ách ...ười; ...ối ...ãi; ...úp ...ập; ...anh ...ới.
- tr hay t?
...ấn ...ính; ...ù ...ừ; ...âm ...ử; ...ính ...oán; ...ất ...ả; ...âm ...ồ; ...u...ừ; ...ấm ...ính;
...ù ...ính; ...ử ...ính; ...ật ...ự; ...ự ...ọng.
- th hay s?
...âm ...âu; ...áp nhập; ...iểu ...ót;

lừa ...ừa; ...iêu ...ố; ...ớ ...lợ; ...ầu ...ảm; ...ấu ...uốt; ...ơ ...ăn.

- a hay e?

hoang m...ng; th...m l...m; qu...n chức; qu...n thuộc; lên m...n; khai m...n; c...n; lăm l...m; v...n xe; v...n biển; con t...m; bảo t.íp.

- u hay ô?

l'.i th'.i; son m...i; c...i cú; thiên 1...i; m...i thuyền; tiến 1...i; đ...i mù; song đ...i; mỗ h...i; v...i vể; s...i sục.

- ươ hay ư?

Đ ...i; ...i trẻ; thừa g...i; c...u mang; m...u cầu; ...u điểm; phân ...u; s...u thuế; s...u tầm; v...u vật; ung b...u; b...u đầu; b...u điện; nghỉ h...u.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả. HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức

- 1 hay n?

nặng nề; lung linh; nôn nóng; lú lẫn; mo nang; lở làng; lấp liếm; lênh đênh; nổi nóng; lộ trình; no nề; núng nính.

- tr hay ch?

.tròn trĩnh; trông chờ; trơ trẽn; tranh chấp; trò chơi; chi trả; trứng chim; trung chính; trú trọng, chậm trễ

- s hay x?

Sản xuất, xuất sắc, xuân sắc, xử xử, sắp xếp, san sẻ, sợ sệt, xông xênh

- r, d hay gi?

Rực rỡ, rung rinh, run rẩy, rồ dại, rền giữa, rung giật, dấm dúi, râm ran, rách rưới, dỗi dãi, ranh giới

- tr hay t?

Trấn tĩnh, tù tù, tâm tư, tính toán, tất tả, trầm trồ, tu tù, tâm tình, trữ tình, trật tự, tự trọng

- th hay s?

Thâm sâu, sáp nhập, thiếu sót, lừa thừa, thiếu số, thớ lợ, sâu thăm, thấu suốt, thơ thẩn

- a hay e?

Hoang mang, tham lam, quan chức, quen thuộc, lên men, khai man, lan can, lăm lem, van xe, ven biển, con tem, bảo tấp

- u hay ô?

Lủi thủi, son môi, côi cú, thiên lôi, mui thuyền, tiến lui, đui mù, song đôi, mỗ hôi, vui vẻ, sôi sục

- ươ hay ư?

Đuối ươi, tươi trẻ, thừa gửi, cừu mang, mưu cầu, ưu điểm, phân ươ, sừu thuế, sừu tầm, vừu vật, ung bừu, bừu điện, nghỉ hừu

Nhiệm vụ 3 Tìm từ thích hợp

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn thi đua giữa các nhóm

- Chỉ tên các địa danh ở Nam Định có các âm bắt đầu bằng phụ âm l:
.....
- Chỉ tên các địa danh ở Nam Định có các âm bắt đầu bằng phụ âm n:
(phường) Trần Đăng Ninh,
- Chỉ tên các con vật có các âm bắt đầu bằng phụ âm tr:
trâu,
- Chỉ tên các con vật có các âm bắt đầu bằng phụ âm ch:
Châu chấu,.....
- Các từ láy có phụ âm đầu là s:
sạch sẽ,
- Các từ láy có phụ âm đầu là x:
xên xang,
- Các từ láy có phụ âm đầu là th:
thấp thoáng,
- Các từ láy có phụ âm đầu là t:
Tấp tễnh.....

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả. HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức

- Chỉ tên các địa danh ở Nam Định có các âm bắt đầu bằng phụ âm l:
- Chỉ tên các địa danh ở Nam Định có các âm bắt đầu bằng phụ âm n:
(phường) Trần Đăng Ninh,
- Chỉ tên các con vật có các âm bắt đầu bằng phụ âm tr:
trâu, trai (ở biển)
- Chỉ tên các con vật có các âm bắt đầu bằng phụ âm ch:
Châu chấu, chuồn chuồn, con chim, con chuột
- Các từ láy có phụ âm đầu là s:
sạch sẽ, sung sướng, suôn sẻ, sóng sánh
- Các từ láy có phụ âm đầu là x:
xên xang, xuề xòa, xoay xở, xoành xoạch
- Các từ láy có phụ âm đầu là th:
thấp thoáng, thanh thoi, thông thả
- Các từ láy có phụ âm đầu là t:
Tấp tễnh, tung tăng, tức tưởi, tong teo

Nhiệm vụ 4 Sửa lỗi chính tả trong đoạn trích và đặt câu

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 4, 5

4. Dưới đây là một trích đoạn trong truyện ngắn "Mợ Du" của nhà văn Nguyễn Hồng nhưng một bạn học sinh khi chép lại đã viết sai nhiều từ ngữ. Em hãy giúp bạn sửa lại các lỗi sai đó:

"Ngoài phố, những ngã ba, ngã tư, xự ồn ào trào nên tri ở từng khu và cảnh tấp lạp không nằm nụi, dối loạn như chưa lay. Lẳng chong giần đi. xắc sanh pha-nê chên cao

bao na thêm. Nhưng cảnh xuân ở thành thị vẫn không đồ dẹt tươi tốt bằng ở nhà quê với những cánh đồng lúa, những đình chùa, những con đường đất lồi nên nhịp nhàng giời vùng chời khoáng đảng và, với tiếng cười lối, hỏi gọi của người ta cứ vang vang chong dó. Đó đây, vẻ xuân ăn trôi, vui quên trĩ còn xót nại ở mây phố ta chong những nhà cửa vôi mới quét nại hơn hờ nên vì lảng, chong mây hiệu tạp hoá và chong những đám súc sắc, sóc đĩa đường hợp nén nút với những đám chẻ con bắn thiêu mà tôi, thằng bé An xưa kia, hể có tiền là xông trết cùng xục vào".

Sửa lại các lỗi ấy cho đúng chính tả:

5. Đặt câu với những từ dễ nhầm lẫn:

giấu/dấu; giành/dành/rành; gia/da/ra; dòng/ròng; giữ/dữ/rù;...

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả. HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức

4.

"Ngoài phố, những ngã ba, ngã tư, sự ồn ào trào nên chỉ ở từng khu và cảnh tập nập không lăm lũi, rối loạn như chưa nay. Lảng trong dần đi. sắc xanh pha-lê chen cao bao la thêm. Nhưng cảnh xuân ở thành thị vẫn không rõ rệt, tươi tốt bằng ở nhà quê với những cánh đồng lúa, những đình chùa, những con đường đất nổi lên nhịp nhàng dưới vùng trời khoáng đảng và, với tiếng cười nói, hỏi gọi của người ta cứ vang vang trong đó. Đó đây, vẻ xuân ăn chơi, vui quên chỉ còn sót lại ở mây phố ta trong những nhà cửa vôi mới quét lại hơn hờ lên vì nắng, trong mây hiệu tạp hoá và trong những đám súc sắc, sóc đĩa đường hợp lén lút với những đám trẻ con bắn thiêu mà tôi, thằng bé An xưa kia, hể có tiền là xông chết cùng xục vào".

5. Đặt câu với những từ dễ nhầm lẫn:

giấu/dấu; giành/dành/rành; gia/da/ra; dòng/ròng; giữ/dữ/rù;...

- HS tự đặt câu

Hoạt động 3: Thực hành về từ ngữ địa phương Nam Định

a. Mục tiêu: Biết được những từ ngữ mang sắc thái địa phương của Nam Định.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Đọc các ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS đọc bài tập trang 43: Phát hiện những lỗi chính tả và sửa lại cho đúng

- 1. Đọc các ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu

- *Trầu rượu mang đến tận nhà,
Đẹp lòng thầy mẹ đôi ta cũng vừa.
- Anh như nước, bác mẹ như bờ,
Bác mẹ cấm cử không cho nước chài¹.*

- Văn chương nào phải là đơn thuốc,
Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu².
- Hoa chanh nở giữa vườn chanh,
Thầy u mình với chúng mình chân quê³.
- U tôi ngày ấy mỗi mùa xuân,
Dặm liễu mây bay sắc trắng ngần⁴.

-Mấy lại, rằm tháng tám này là giỗ đầu cậu mày, nếu mợ mày không về sẽ làm tủi vong linh cậu mày.

-Thầy tôi (...) là một nhà nho học, đậu hai khoa Tú tài, nên người ta thường gọi là cụ Kép Phạm Cao Bạt (...) Cô tôi mở một tiệm bán các nông cụ có chị Hai tôi phụ giúp trông coi⁶...

a) Tìm các từ xưng hô mang sắc thái địa phương trong các văn bản trên và các từ toàn dân tương ứng với chúng.

b) Thử thay thế các từ địa phương đó bằng các từ toàn dân và nêu nhận xét về sự thay đổi đó.

c) Em hãy tìm hiểu xem hiện nay ở Nam Định có còn dùng những từ đó nữa không? Nếu có thì dùng ở vùng nào?

d) Nêu ý kiến của em về việc có nên dùng các từ xưng hô địa phương nữa không? Nếu dùng thì nên dùng trong những hoàn cảnh nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả. HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức

- Gv gợi ý trả lời:

a. Các từ mang sắc thái địa phương: cừ, xằng, bu, thầy u, U tôi, mấy lại, Thầy tôi, chải, mợ

b. Thay thế bằng từ toàn dân: cừ - cờ, xằng - sai, bu - mẹ, thầy u - bố mẹ, u tôi - mẹ tôi, mấy lại - với lại, thầy tôi - bố tôi, chải - chải, mợ - mẹ

c. HS tự nêu ý kiến

d. Từ ngữ xưng hô địa phương vẫn có thể sử dụng vì đó là ngôn ngữ vùng miền. Tuy nhiên trong hoàn cảnh giao tiếp với người khác vùng miền hoặc văn bản viết có thể sử dụng từ ngữ toàn dân để mọi người hiểu được nghĩa của từ.

Nhiệm vụ 2: Hoàn thành bảng đối chiếu

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS đọc bài tập trang 44, 45 và thảo luận, hoàn thành bảng sau

S T T	Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ ở Nam Định (nếu có)	Từ ngữ ở địa phương khác (nếu biết)
1	Cụ	?	?
2	Ông nội	?	?
3	Bà nội	?	?
4	Ông ngoại	?	?
5	Bà ngoại	?	?
6	Bác (anh trai bố)	?	?

7	Bác (vợ anh trai bố)	?	?
8	Bác (chị gái bố)	?	?
9	Bác (chồng chị gái bố)	?	?
10	Bác (anh trai mẹ)	?	?
11	Bác (vợ anh trai mẹ)	?	?
12	Bác (chị gái mẹ)	?	?
13	Bác (chồng chị gái mẹ)	?	?
14	Bố	?	?
15	Mẹ	?	?
16	Chú (em trai bố)	?	?
17	Thím (vợ chú)	?	?
18	Cô (em gái bố)	?	?
19	Chú (chồng em gái bố)	?	?
20	Cậu (em trai mẹ)	?	?
21	Mợ (vợ em trai mẹ)	?	?
22	Dì (em gái mẹ)	?	?
23	Chú (chồng em gái mẹ)	?	?
24	Anh trai	?	?
25	Chị dâu (vợ anh trai)	?	?
26	Chị gái	?	?
27	Anh rể (chồng chị gái)	?	?
28	Em trai	?	?
29	Em dâu (vợ em trai)	?	?
30	Em gái	?	?
31	Em rể (chồng em gái)	?	?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả. HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét và đánh giá

Nhiệm vụ 3: Hoàn thành bảng đối chiếu

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS đọc bài tập trang 46 và hoàn thành bài tập 3, 4:

- 3. Từ bảng ở bài tập 2, hãy cho biết một số nhận xét**
- a) So với lớp từ toàn dân, các từ xưng hô của người Nam Định có nhiều khác biệt không?
 - b) Cách xưng hô của người Nam Định gần gũi với cách xưng hô của khu vực nào ở Việt Nam?
- 4. Đọc các ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu**
- Đầu gối núi Đọi, chân rọi Tuần Vương.
 - Khôn Kẻ Chợ chẳng bằng dợ làng Đan.

- Cái cây của nhà, cái quả của nhà,
Muốn ăn vác gậy đem ra mà chòi.
- Ca hát tế lễ mười ngày,
Lọng, cờ, tàn, quạt gió bay đỏ ngòn.
- Ngọt nồng cay đắng chàng ơi,
Ăn trầu có tỏ khúc nhôi sự tình?
- Cô hái mơ ơi
Chả giả lời nhau lấy một lời
Cứ lặng rồi đi rồi khuất bóng
Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi¹.
- Mưa bụi nên em không ướt áo,
Thôn Đoài cách có một thôi đề².

a) Thử thay thế các từ ngữ địa phương trong các ngữ liệu trên bằng các từ phổ thông và nhận xét về sự thay đổi sắc thái ý nghĩa hoặc hình thức nghệ thuật của chúng.

b) Nêu cảm nhận của em về việc dùng từ ngữ địa phương trong các ngữ liệu tìm được.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả. HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét và đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Nội dung:** HS tìm đọc, sưu tầm từ ngữ địa phương

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS:

1. *Lập sổ tay chính tả cho các từ đã học và những từ có thể bổ sung. Sưu tầm các từ láy có phụ âm l/n; tr/ch; s/x; r/d/gi; s/th; tr/th hoặc âm giữa a/e; u/ô; ươ/ư; a/â; ư/â rồi tập đọc đúng ngữ âm và viết đúng chính tả.*
2. *Sưu tầm thêm các từ ngữ địa phương của Nam Định trong đời sống hoặc trong thơ văn.*
3. *Trình bày ý kiến của em về việc: Có nên bảo lưu, sử dụng các từ ngữ địa phương hay không? Vì sao?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, hoàn thành bài tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và báo cáo vào tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét và tổng kết bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS: Hoàn thành bài tập về nhà và đọc trước tiết sau.

Tuần: 8 (Tiết 8)
Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 10/10/2022
Ngày dạy: 24/10/2022
Ngày duyệt: 24/10/2022

CHỦ ĐỀ 2: NAM ĐỊNH TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

I. MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS sẽ:

1. Mục tiêu

- Chỉ ra được các tên gọi, vị thế của vùng đất Nam Định trong tiến trình lịch sử từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.
- Nhận biết được một số sự kiện và dấu ấn quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá của Nam Định từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.
- Đánh giá được vai trò của phủ Thiên Trường dưới triều Trần.
- Nêu được những đóng góp của nhân dân Nam Định trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng được các tài liệu để giới thiệu về nhân vật hoặc di tích lịch sử ở địa phương, góp phần quảng bá về quê hương, con người và di sản văn hoá Nam Định.
- Liên hệ được các sự kiện, địa danh tiêu biểu được đề cập trong bài viết với địa chỉ hay tên đường, trường học,... tại địa phương.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ nhằm hoàn thành nội dung bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, hợp tác với bạn trong nhóm hoàn thành nội dung bài học.

*** Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực tìm hiểu và tư duy lịch sử: biết cách khai thác và sử dụng các tư liệu lịch sử.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức, kĩ năng lịch sử để khai thác thông tin để liên hệ đến địa phương.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động của bài học.
- Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong hoạt động của nhóm.
- Yêu nước: Tự hào lịch sử vùng đất Nam Định.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV GDĐP Nam Định 7.
- Máy tính, máy chiếu.
- Tranh ảnh, tư liệu về lịch sử Nam Định từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

2. Đối với học sinh

- SGK GDĐP Nam Định 7.
- Đọc trước bài học trong SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

BÀI 1 : NAM ĐỊNH THẾ KỈ X

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về kiến thức bài mới.
- b. **Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.
- c. **Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV dẫn dắt : Sau chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938, đất nước ta bước vào thời kì độc lập, tự chủ lâu dài. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Nam Định tiếp tục có những đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của nhà Đinh và nhà Tiền Lê.
- GV đặt câu hỏi: *Trong thế kỉ X, nhân dân Nam Định đã có những đóng góp cụ thể nào?*



Hình 1.1. Đình Đằng Động, xã Yên Hồng, huyện Ý Yên – nơi thờ vua Đinh và tướng quân Đinh Đức Nghi.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhân dân Nam Định với sự nghiệp dựng nước của nhà Đinh

- a. **Mục tiêu:** Trình bày được vị thế, đóng góp của nhân dân Nam Định trong sự nghiệp dựng nước của nhà Đinh.
- b. **Nội dung:** HS thảo luận nhóm.
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức hoạt động :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm (4HS/nhóm) và trả lời câu hỏi sau: <i>Nêu vị thế của vùng đất Nam Định? Nhân dân Nam Định có đóng góp gì với sự nghiệp dựng nước của nhà Đinh?</i>	I. Nhân dân Nam Định với sự nghiệp dựng nước của nhà Đinh - Tướng lĩnh và nhân dân Nam Định che chở, giúp đỡ lực lượng của Đinh Bộ Lĩnh.



- GV đặt câu hỏi: *Kể tên một số tướng lĩnh Nam Định tham gia nghĩa quân của Đinh Bộ Lĩnh.*

Bảng. Sự ủng hộ và giúp đỡ của các tướng lĩnh và nhân dân Nam Định đối với Đinh Bộ Lĩnh

STT	Tướng lĩnh/Địa phương	Đóng góp
1	Thành Đại vương được thờ ở Phủ Bà (thôn Đắc Lực, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản)	Từng giúp đỡ Đinh Bộ Lĩnh khi ông chạy đến lánh nạn.
2	Lăng Công được thờ ở đình Quảng Thượng (xã Yên Lương, huyện Ý Yên)	Có công nuôi Đinh Bộ Lĩnh.
3	Trần Công Mẫn (Sơn Tây) được cử xuống phủ Nghĩa Hưng để chiêu mộ quân sĩ.	Tập hợp được hàng nghìn trai tráng ở quê vợ tham gia nghĩa quân.
4	Làng Hướng Nghĩa, xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản	Có 18 người đi theo Đinh Bộ Lĩnh.
5	Nguyễn Bặc (Ninh Bình)	Chiêu mộ được hơn 3 000 người Phú Cốc (xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản) đi theo Đinh Bộ Lĩnh.
6	Phạm Cãi (huyện Vụ Bản)	Tập hợp người làng theo Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn, được phong làm Huyện doãn huyện Thiên Bản (huyện Vụ Bản).

- GV trình chiếu hình ảnh:



Hình 1.2. Đình Thượng Đống, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên – nơi thờ Đinh Tiên Hoàng.



Hình 1.3. Đình thôn La Xuyên, xã Yên Ninh, huyện Ý Yên – nơi thờ Ninh Hữu Hưng.

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đinh Bộ Lĩnh xây dựng Nam Định thành trung tâm quy tụ sức mạnh.
- Nhân dân Nam Định tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp dựng nước của nhà Đinh: nghề mộc La Xuyên.

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
 - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**
- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.
 - GV chuyển sang nội dung mới.

Tuần: 9 (Tiết 9)
Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 15/10/2022
Ngày dạy: 31/10/2022
Ngày duyệt: 31/10/2022

KIỂM TRA GIỮA KÌ I
(Theo kế hoạch nhà trường)

Tuần: 10 (Tiết 10)
Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 25/10/2022
Ngày dạy: 7/11/2022
Ngày duyệt: 7/11/2022

BÀI 1: NAM ĐỊNH THỂ KỈ X

Hoạt động 2: Nhân dân Nam Định với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của nhà Tiền Lê.

a. Mục tiêu: Trình bày được vị thế, đóng góp của nhân dân Nam Định trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của nhà Tiền Lê.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giới thiệu sự thành lập nhà Tiền Lê: Nhà Tiền Lê (Lê Hoàn) được thành lập trong bối cảnh đất nước ta đứng trước họa ngoại xâm của quân Tống. Lúc đó Vua Đinh (Đinh Tiên Hoàng) đã mất mà thế tử Đinh Toàn còn quá nhỏ, thái hậu Dương Vân Nga lại không thể phủ rèm nhiếp chính; 10 đạo quân đều tập trung trong tay của Thập đạo tướng quân Lê Hoàn, nên Thái hậu Dương Vân Nga phải nhường ngôi cho Lê Hoàn để lãnh đạo nhân dân đánh Tống . - GV đặt câu hỏi: <i>Nhân dân Nam Định đã tham gia cuộc kháng chiến chống quân Tống như thế nào? Kể tên một số nhân vật tiêu biểu?</i>	II. Nhân dân Nam Định với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của nhà Tiền Lê. - Nhân dân Nam Định tích cực tham gia vào sự nghiệp bảo vệ đất nước của nhà Tiền Lê. - Sau thắng lợi, nhân dân Nam Định lại tiếp tục các nghề truyền thống ở địa phương; dân La Xuyên đến Hoa Lư sửa thành quách, cung điện.



Hình 1.4. Đền thờ Tả tướng quân Hoàng Thiện Tâm tại thôn Hạ Kỳ, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng.

- GV đặt câu hỏi: *Nêu những đóng góp của nhân dân Nam Định trong sự nghiệp dựng nước thời Tiền Lê.*

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.
- GV tổng kết kiến thức, chuyển sang phần luyện tập.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu nhiệm vụ:
- 1. Kể tên những địa điểm trên địa bàn Nam Định có liên quan đến sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhà Đinh và nhà Tiền Lê.
- 2. Nêu những đóng góp của nhân dân Nam Định đối với đất nước trong thế kỉ X.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV mở rộng kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Biết cách sưu tầm và sử dụng được các tài liệu để giới thiệu về nhân vật hoặc di tích lịch sử ở địa phương, góp phần quảng bá về quê hương, con người và di sản văn hoá Nam Định.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Vận dụng SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Sưu tầm tranh ảnh và tư liệu qua sách, báo và internet về các nhân vật và các địa điểm ở Nam Định liên quan đến lịch sử dân tộc thế kỉ X để làm thành một bản áp phích trưng bày.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm ở tiết sau.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, cho điểm HS.

Tuần: 11.12 (Tiết 11.12)

Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 5/11/2022

Ngày dạy: 14.11/2022

Ngày duyệt: 14/11/2022

BÀI 2: NAM ĐỊNH THẾ KỈ XI – XIII

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích nhu cầu tìm hiểu về kiến thức bài mới.

b. Nội dung: Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

* Nhiệm vụ 1 : Báo cáo sản phẩm phần Vận dụng ở tiết trước : Sưu tầm tranh ảnh và tư liệu qua sách, báo và internet về các nhân vật và các địa điểm ở Nam Định liên quan đến lịch sử dân tộc thế kỉ X để làm thành một bản áp phích trưng bày.

* Nhiệm vụ 2 :

- GV dẫn dắt : Hình bên dưới là tấm bia đá Viên Quang tự bi minh tính tự (Lời tựa bài minh khắc ở chùa Viên Quang) được lưu giữ ở chùa Nghĩa Xá (Viên Quang tự) – một trong hai ngôi chùa cổ nhất ở Nam Định.



Hình 2.1. Bia đá ở thời Lý (1118)
ở chùa Nghĩa Xá (Viên Quang tự),
xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường.

- GV đặt câu hỏi: *Em biết gì về tấm bia đá cổ này ? Việc xuất hiện các ngôi chùa cổ ở Nam Định cách đây hàng ngàn năm cho thấy điều gì ?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS báo cáo sản phẩm
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Vị thế của vùng đất Nam Định thời Lý.

a. Mục tiêu: Trình bày được vị thế của Nam Định thời Lý.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV trình chiếu lược đồ tứ trấn của kinh thành Thăng Long và yêu cầu HS: + <i>Xác định vị trí của Nam Định trong tứ trấn.</i> + <i>Vị trí đó mang lại vị thế như thế nào cho Nam Định.</i>	I. Vị thế của vùng đất Nam Định thời Lý - Nam Định là cửa ngõ phía Nam có vị trí trọng yếu: Là địa bàn sản xuất lúa gạo quan trọng của đất nước. - Nhân dân Nam Định cũng tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc.



Hình 1. Lược đồ tứ trấn của kinh thành Thăng Long

- GV đặt câu hỏi:
- + Nhân dân Nam Định có đóng góp như thế nào trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Lý.
- + Kể tên một số nhân vật tiêu biểu.
- GV trình chiếu hình ảnh:



Hình 2.2. Chùa Cổ Chất, xã Phương Định, huyện Trực Ninh.

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.
- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2: Một số nhân vật tiêu biểu thời Lý

a. **Mục tiêu:** Giới thiệu được một số nhân vật tiêu biểu của Nam Định thời Lý.

b. **Nội dung:** HS thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức hoạt động :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm (4 HS/nhóm) và hoàn thành phiếu học tập dưới đây:

Một số nhân vật tiêu biểu của Nam Định thời Lý

Đọc SGK và hoàn thành thông tin dưới đây

Thiền sư Dương Không Lộ	
Thiền sư Giác Hải	
	
Thiền sư Nguyễn Minh Không	
	

Tên nhóm:.....
Lớp:.....

- GV đặt câu hỏi: Việc xuất hiện các thiền sư nổi tiếng của đất nước trên vùng đất Nam Định chứng tỏ điều gì? (Gợi ý: Phật giáo ảnh hưởng rất sâu sắc đến vùng đất Nam Định)

- GV cho HS xem video về thiền sư Giác Hải:

Link video: https://www.youtube.com/watch?v=IPhIGzC-cgY&ab_channel=BookHunter

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

II. Một số nhân vật tiêu biểu thời Lý

- Nam Định đã sản sinh ra những nhân vật lịch sử mà sự nghiệp của họ đã đi vào huyền thoại: Thiền sư Dương Không Lộ, Giác Hải, Nguyễn Minh Không.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.
- GV tổng kết kiến thức, chuyển sang phần luyện tập.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu nhiệm vụ:

1. Nêu tên gọi và không gian địa lí của Nam Định dưới thời nhà Lý.
2. Trình bày những đóng góp của nhân dân Nam Định dưới thời nhà Lý.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV mở rộng kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Biết cách sưu tầm và sử dụng được các tài liệu để giới thiệu về nhân vật hoặc di tích lịch sử ở địa phương, góp phần quảng bá về quê hương, con người và di sản văn hoá Nam Định.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Vận dụng SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Sưu tầm tư liệu qua sách, báo và internet, lập “hồ sơ danh nhân” về một trong các nhân vật là Dương Không lộ, Giác Hải và Nguyễn Minh Không.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm ở tiết sau.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, cho điểm HS.

Tuần: 13.14 (Tiết 13.14)

Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 13/11/2022

Ngày dạy: 28/11,5/12/2022

Ngày duyệt: 28/11/2022

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về kiến thức bài mới.
b. **Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.
c. **Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS
d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

* Nhiệm vụ 1 :

- GV nêu nhiệm vụ : HS báo cáo sản phẩm phần Vận dụng ở tiết trước.

* Nhiệm vụ 2 :

- GV dẫn dắt :

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.
(Xã tắc hai phen chồn ngựa đá,
Non sông nghìn thua vững âu vàng.)*

(Trích bài thơ Tức sự của Trần Nhân Tông)

- GV đặt câu hỏi: Hai câu thơ trên gợi cho em nhớ đến sự kiện nào trong lịch sử dân tộc?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Vị thế của vùng đất Nam Định thời Trần

- a. **Mục tiêu:** Đánh giá được vai trò của phủ Thiên Trường dưới triều Trần.
b. **Nội dung:** HS thảo luận nhóm.
c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
d. **Tổ chức hoạt động :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành các nhóm thảo luận theo kỹ thuật mảnh ghép, với nhiệm vụ: Vòng 1: Nhóm chuyên gia: + Nhóm 1: Tìm hiểu địa giới hành chính của vùng đất Nam Định thời Trần. + Nhóm 2: Tìm hiểu về hệ thống kiến trúc cung điện ở Thiên Trường. + Nhóm 3: Tìm hiểu vì sao nói Thiên Trường là kinh đô thứ hai của nước Đại Việt thời Trần. + Nhóm 4: Tìm hiểu vai trò của hành cung Thiên Trường dưới thời Trần. Vòng 2: Nhóm mảnh ghép: Từ các nhóm chuyên gia, GV yêu cầu HS đổi vị trí, hình thành 4 nhóm mới là nhóm mảnh ghép, bằng cách: trong nhóm	I. Vị thế của vùng đất Nam Định thời Trần - Thời Trần, vùng đất Nam Định chính là phủ Thiên Trường, là quê hương của nhà Trần. - Thiên Trường là một trong hai hành cung chiến lược và là hậu cứ an toàn trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên.

chuyên gia, các thành viên tự đếm số thứ tự, những HS có cùng số thứ tự sẽ về chung một nhóm mới.

Lần lượt các thành viên trong nhóm mới chia sẻ nội dung đã tìm hiểu trong nhóm chuyên gia cho các bạn trong nhóm. Các thành viên trong nhóm mới thảo luận, phản biện và giải quyết nhiệm vụ mới và thống nhất sản phẩm cuối cùng.

- GV trình chiếu hình ảnh:



Hình 3.2. Nền móng khu di tích đền Trần – trung tâm của hành cung Thiên Trường xưa.

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.
- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2: Nam Định trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên

a. Mục tiêu: Nêu được những đóng góp của nhân dân Nam Định trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

b. Nội dung: HS thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm (4 HS/nhóm) và trả lời câu hỏi sau: <i>Nêu những đóng góp của nhân dân Nam Định và vị thế của Nam Định trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.</i>	II. Nam Định trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên - Nhà Trần cho xây dựng các đồn binh, kho lương ở Thiên Trường; khuyến khích lập điền trang, thái ấp ở Thiên Trường. - Thiên Trường là nơi lui về, tập kết lực lượng và chuẩn bị cho phản công.



- GV tổ chức cho HS theo dõi video về hành cung Thiên Trường:

Link video: https://www.youtube.com/watch?v=fBrufkbGbVg&ab_channel=Chuy%E1%B%87nH%E1%BA%ADuCung

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.
- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 3: Nam Định trong nền văn hóa thời Trần

a. Mục tiêu: Nêu được những đóng góp của Nam Định đối với nền văn hóa dân tộc dưới thời Trần.

b. Nội dung: HS xem video và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt câu hỏi: <i>Kể tên một số thành tựu văn hóa nổi bật trên đất Nam Định thời Trần.</i> - GV tổ chức cho HS xem video về nhân vật tiêu biểu của vùng đất Nam Định (Nguyễn Hiền) và trả lời câu hỏi: <i>Giới thiệu về Trạng Nguyên Nguyễn Hiền. Em học hỏi được điều gì từ vị Trạng Nguyên này.</i> Link video: https://www.youtube.com/watch?v=rnHNpXcNhZw&ab_channel=M%E1%B%81nC%E1%BB%95T%C3%ADch Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thực hiện nhiệm vụ.	III. Nam Định trong nền văn hóa thời Trần - Nam Định đã đóng góp cho kho tàng văn hóa dân tộc nhiều giá trị tư tưởng, đạo đức, văn học nghệ thuật và tôn giáo đặc sắc. - Nam Định có nhiều trí thức thuộc dòng dõi hoàng tộc tài giỏi. Đây cũng là nơi xuất thân của những trí thức nổi tiếng. - Nơi đây trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, giáo dục và Phật giáo dưới thời Trần.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.
- Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**
- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**
- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.
- GV chuyển sang nội dung mới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.
- b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập SGK
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu nhiệm vụ:
- 1. Kể tên những nhân vật lịch sử, sự kiện lớn gắn với vùng đất Nam Định thời Trần.
- 2. Trình bày và phân tích mối quan hệ giữa hai trung tâm quyền lực lớn của cả nước dưới thời Trần: Thiên Trường và Thăng Long. Theo em, Thiên Trường có vị trí như thế nào dưới thời Trần?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV mở rộng kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Biết cách sưu tầm và sử dụng được các tài liệu để giới thiệu về nhân vật hoặc di tích lịch sử ở địa phương, góp phần quảng bá về quê hương, con người và di sản văn hoá Nam Định.
- b. Nội dung:** Bài tập trong phần Vận dụng SGK
- c. Sản phẩm học tập:** Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK
- d. Tổ chức thực hiện**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Sưu tầm tài liệu qua sách, báo, internet, lập bảng thống kê những dấu tích lịch sử và văn hoá dưới thời Trần còn lại trên vùng đất Nam Định.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm ở tiết sau.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, cho điểm HS.

Tuần: 15.16 (Tiết 15.16)
Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 5/12/2022
Ngày dạy: 14.22/12/2022
Ngày duyệt: 10/12/2022

BÀI 3 : NAM ĐỊNH THẾ KỈ XV – ĐẦU THẾ KỈ XVI

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về kiến thức bài mới.
b. **Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.
c. **Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS
d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

* Nhiệm vụ 1 :

- GV nêu nhiệm vụ : HS báo cáo sản phẩm phần Vận dụng ở tiết trước.

* Nhiệm vụ 2 :

- GV đặt câu hỏi: *Đoạn trích trong bài văn tế có nhắc đến địa danh thành Cổ Lộng ở Nam Định. Em biết gì về toà thành này? Thành Cổ Lộng gắn với chiến công tiêu biểu nào của nhân dân Nam Định?*

Lê triều phát tích,
Đế mệnh báo sinh.
Lộng thành nang toán,
Bắc khẩu trừ thanh.
(Triều Lê phát tích,
Mệnh vua ban ra.
Thành (Cổ) Lộng thắt túi,
Diệt trừ giặc Bắc.)
(Văn tế nhị vị phúc thần)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nam Định với các cuộc khởi nghĩa giành độc lập thời thuộc Minh (1407 - 1427)

- a. **Mục tiêu:** Nêu được những đóng góp của nhân dân Nam Định trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên; Liên hệ được các sự kiện, địa danh tiêu biểu được đề cập trong bài viết tại địa phương.
- b. **Nội dung:** HS thảo luận nhóm.
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức hoạt động :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi:	I. Nam Định với các cuộc khởi nghĩa giành độc lập thời thuộc

+ Trình bày một số biện pháp cai trị của nhà Minh đối với vùng đất Nam Định.

+ Phân tích mục đích của các biện pháp cai trị đó.

- GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.

Vòng 1: Nhóm chuyên gia:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu một số địa điểm trên địa bàn Nam Định có liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi.

+ Nhóm 2: Nêu đóng góp của nhân dân Nam Định đối với cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi.

+ Nhóm 3: Nêu đóng góp của nhân dân Nam Định trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

+ Nhóm 4: Trình bày một số nét chính về công lao đánh giặc của bà Lương Thị Minh Nguyệt.

Vòng 2: Nhóm mảnh ghép: Từ các nhóm chuyên gia, GV yêu cầu HS đổi vị trí, hình thành 4 nhóm mới là nhóm mảnh ghép, bằng cách: trong nhóm chuyên gia, các thành viên tự đếm số thứ tự, những HS có cùng số thứ tự sẽ về chung một nhóm mới.

Lần lượt các thành viên trong nhóm mới chia sẻ nội dung đã tìm hiểu trong nhóm chuyên gia cho các bạn trong nhóm. Các thành viên trong nhóm mới thảo luận, phản biện và giải quyết nhiệm vụ mới và thống nhất sản phẩm cuối cùng: **Đóng góp của nhân dân Nam Định đối với các cuộc khởi nghĩa giành độc lập thời thuộc Minh (1407 – 1427)**

- GV trình chiếu hình ảnh:



Hình 4.1. Đền Ngọc Chấn, xã Yên Trị, huyện Ý Yên – nơi thờ tướng quân Đặng Dung.

Bảng. Tướng lĩnh và nhân dân một số địa phương ủng hộ và tham gia khởi nghĩa Lam Sơn

STT	Nhân vật/Nhân dân địa phương	Đóng góp
1	Vùng Vân Chàng (huyện Nam Trực)	Các thợ rèn đã cung cấp dao, giáo, mác, thiết lệnh, phi lao cho nghĩa quân Lam Sơn.
2	Trai làng Giáp Nhất (huyện Nam Trực)	Mang gậy gộc, những vũ khí tự chế tạo, truy kích quân Minh khi địch chạy qua vùng này.
3	Ngô Quý Dậy, Ngô Ái Thường ở làng Tương Loát (huyện Ý Yên)	Tham gia khởi nghĩa chống quân Minh.
4	Bùi Ư Đãi ở làng Bạch Cốc (huyện Vụ Bản)	Tham gia vây thành Đông Quan, diệt viện binh của quân Minh năm 1427, được phong làm Thượng thư bộ Lễ.

Minh (1407 - 1427)

- Cho xây dựng các ty, sở để thu thuế và quản lí tôn giáo.

- Mục đích: bình định, đồng hóa về văn hóa, tư tưởng.

1. Nhân dân Nam Định với các phong trào khởi nghĩa trước Lam Sơn (1407 – 1417)

- Nhân dân Nam Định gia nhập nghĩa quân Trần Ngỗi, góp phần làm nên đại thắng khi bắt giết một số tướng giặc.

2. Nhân dân Nam Định với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

- Nhân dân Nam Định đã tích cực ủng hộ và tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- Bà Lương Thị Nguyệt Minh đã có kế sách hay góp phần quan trọng vào chiến thắng quân Minh của nghĩa quân Lam Sơn.



Hình 4.2. Đình Ruối, thôn Ngọc Chuế, xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên – nơi thờ bà Lương Thị Minh Nguyệt.

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.
- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2: Nam Định thời Lê sơ (1428 – 1527)

a. Mục tiêu: Nêu được những đóng góp của Nam Định dưới thời Lê sơ.

b. Nội dung: HS thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc SGK và hoàn thành phiếu học tập:	II. Nam Định thời Lê sơ (1428 – 1527) 1. Khai hoang - Công việc tổ chức khai hoang, mở đất dưới hình thức đồn điền tập trung khá nhiều ở Nam Định. - Thành tựu: + Một số vùng đất được khai hoang dưới thời Lê sơ: xã Quần Anh, ấp Nhật Hy, Thợ Tung, Ngọc Chuế... + Đê Hồng Đức được xây dựng. 2. Khoa bảng - Thành tựu: Trong khoảng 100 năm, Nam Định có 22 tiến sĩ. Các bậc đại khoa sau khi đỗ đều có đóng góp vào sự nghiệp trị nước của nhà Lê sơ.

Họ tên:

Lớp

Nam Định thời Lê sơ (1428 - 1527)

Đọc SGK và
hoàn thành
thông tin

Khai hoang

Khoa cử

Thành tựu

Một số nhân vật tiêu biểu

Em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?

- Một số nhân vật tiêu biểu: Lương
Thế Vinh, Nguyễn Địch...

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.
- GV chuyển sang phần Luyện tập.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu nhiệm vụ:

1. Nêu tên gọi và không gian địa lí của Nam Định thời thuộc Minh và thời Lê sơ.
2. Trình bày đóng góp của nhân dân Nam Định trong các cuộc khởi nghĩa chống quân Minh, giành độc lập dân tộc.
3. Trình bày một số hiểu biết của em về đề Hồng Đức? Tìm hiểu về dấu tích của đề Hồng Đức ở địa phương em sinh sống?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV mở rộng kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Biết cách sưu tầm và sử dụng được các tài liệu để giới thiệu về nhân vật hoặc di tích lịch sử ở địa phương, góp phần quảng bá về quê hương, con người và di sản văn hoá Nam Định.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Vận dụng SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Sưu tầm tranh ảnh, di tích và tài liệu để viết một đoạn văn khoảng 300 – 500 chữ về một nhà khoa bảng ở Nam Định thời Lê sơ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm ở tiết sau.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, cho điểm HS.

Tuần: 17 (Tiết 17)

Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 21/12/2022

Ngày dạy: 28/12/2022

Ngày duyệt: 28/12/2022

CHỦ ĐỀ: MỸ THUẬT TRUYỀN THỐNG NAM ĐỊNH

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết được yếu tố thẩm mỹ trong đời sống.
- Nhận biết được giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật qua các di tích, kiến trúc, điêu khắc của Nam Định.
- Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật dân gian trong đời sống.

- Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá với thực hành, sáng tạo.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ nhằm hoàn thành nội dung bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, hợp tác với bạn trong nhóm hoàn thành nội dung bài học.

*** Năng lực chuyên biệt:**

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng kiến thức, kỹ năng để khai thác thông tin, tìm hiểu về giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật qua các di tích, kiến trúc, điêu khắc của Nam Định.

- Năng lực tìm hiểu: Khai thác thông tin, phát triển năng lực sử dụng tranh ảnh để trình bày yếu tố thẩm mỹ trong đời sống.

3. Phẩm chất

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động của bài học.
- Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong hoạt động của nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV GDĐP Nam Định 7
- Máy tính, máy chiếu.
- Tranh ảnh, tác phẩm mỹ thuật ở Nam Định.

2. Đối với học sinh

- SGK GDĐP Nam Định 7
- Đọc trước bài học trong SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

BÀI 1: NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC VÀ ĐIÊU KHẮC CỦA MỘT SỐ DI TÍCH NỔI TIẾNG Ở NAM ĐỊNH

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích nhu cầu tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của một số di tích nổi tiếng ở Nam Định

b. Nội dung: Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn?”

- Cách chơi:

+ Chia lớp thành 3 đội, mỗi đội thực hiện một nhiệm vụ: Em hãy kể tên những di tích lịch sử, văn hoá tại các công trình kiến trúc và điêu khắc nổi tiếng ở Nam Định mà em biết. Chia sẻ điều em ấn tượng nhất về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc ở các di tích đó.

+ Trong vòng 5 phút, đội nào kể được nhiều di tích lịch sử văn hoá đúng hơn thì đội đó thắng cuộc.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện các đội tham gia trò chơi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Nam Định là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, là đô thị phát triển sớm ở Việt Nam. Ở vùng đất Nam Định, có nhiều di tích nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc là di sản quốc gia.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Khái quát về mỹ thuật truyền thống ở vùng đất Nam Định

a. Mục tiêu: Nhận biết được yếu tố mỹ thuật truyền thống.

b. Nội dung: GV cho HS tìm hiểu về mỹ thuật truyền thống ở vùng đất Nam Định

c. Sản phẩm học tập: về mỹ thuật truyền thống ở vùng đất Nam Định

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và nêu khái quát mỹ thuật truyền thống ở vùng đất Nam Định? Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi. - GV mời đại diện các HS khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học. Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: - GV chuyển sang nội dung mới.	1. Khái quát về mỹ thuật truyền thống ở vùng đất Nam Định - Nhiều công trình được xây dựng từ lâu đời với quy mô hoành tráng và mang giá trị nghệ thuật cao như: khu di tích Đền Trần, khu di tích văn hóa Phủ Dầy, chùa Keo (Hành Thiện), chùa Cổ Lễ,... Đặc biệt, một số di tích là độc nhất về phong cách kiến trúc ở Việt Nam.

Tuần: 18 (Tiết 18)

Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 28/12/2022

Ngày dạy: 4/1/2023

Ngày duyệt: 3/1/2023

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I
(Theo kế hoạch nhà trường)

Tuần: 19 Tiết 19
Lớp 7A.B.C

Ngày soạn: 1/9/2022
Ngày dạy: 6,12,19/9/2022
Ngày duyệt: 6/9/2022

BÀI 1:
NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC VÀ ĐIỀU KHẮC CỦA MỘT SỐ DI TÍCH NỔI TIẾNG Ở NAM ĐỊNH

Hoạt động 2: Những nét kiến trúc và điêu khắc độc đáo tại các di tích ở Nam Định

- a. Mục tiêu:** Nêu được những nét kiến trúc và điêu khắc độc đáo tại các di tích ở Nam Định
- b. Nội dung:** GV cho HS tìm hiểu kiến trúc và điêu khắc độc đáo tại các di tích ở Nam Định
- c. Sản phẩm học tập:** kiến trúc và điêu khắc độc đáo tại các di tích ở Nam Định
- d. Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 6 nhóm thảo luận theo kĩ thuật mảnh ghép, thực hiện nhiệm vụ: Vòng 1: Nhóm chuyên gia + Nhóm 1,2: Hãy kể tên các công trình kiến trúc trong chùa Phổ Minh. 	2. Những nét kiến trúc và điêu khắc độc đáo tại các di tích ở Nam Định a. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc chùa Phổ Minh - Chùa Phổ Minh là minh chứng cho sự gắn kết nghệ thuật của hai triều đại Lý - Trần, - Về nghệ thuật, điểm độc đáo nhất là ở bộ cánh cửa gian giữa nhà tiền đường chạm hoạ tiết rồng châu mặt nguyệt, trong khung hình lá đề. - Về kiến trúc đặc biệt ở ngôi chùa thuộc về ngôi tháp Phổ Minh. Tháp gồm 14 tầng, bệ và tầng dưới xây bằng đá xanh mịn, 13 tầng trên được xây bằng gạch nung đỏ. Ngoài các tượng hình sấu, rồng được tạc ở các thành bậc quanh tháp; quanh cửa tháp và trên các mặt tường còn được trang trí bởi hoạ tiết cánh sen, có nhiều hoa văn mềm mại, uốn lượn xung quanh. b. Nghệ thuật kiến trúc chùa Cổ Lễ - Chùa Cổ Lễ do thiền sư Nguyễn Minh Không thời Lý sáng lập. Ngôi chùa hiện nay do hoà thượng Phạm Quang Tuyên thiết kế và cho xây dựng năm 1902. - Trước chùa là ngôi tháp Cửu phẩm Liên Hoa 12 tầng, cao 32 m, có 8 mặt. Đế tháp đặt trên lưng một con rùa lớn,
+ Nhóm 3,4: Trình bày nghệ thuật kiến trúc trong chùa Cổ Lễ.  	+ Nhóm 5,6: Trình bày nghệ thuật kiến trúc nghệ thuật chạm khắc đình Hưng Lộc?



Vòng 2 : Nhóm mảnh ghép: Từ các nhóm chuyên gia, GV yêu cầu HS đổi vị trí, hình thành 6 nhóm mới là nhóm mảnh ghép, bằng cách: trong nhóm chuyên gia, các thành viên tự đếm số thứ tự, những HS có cùng số thứ tự sẽ về chung một nhóm mới.

Lần lượt các thành viên trong nhóm mới chia sẻ nội dung phiếu học tập đã tìm hiểu trong nhóm chuyên gia cho các bạn trong nhóm. Các thành viên trong nhóm mới thảo luận, phản biện và giải quyết nhiệm vụ mới và thống nhất sản phẩm cuối cùng: *Trình bày những nét kiến trúc và điêu khắc độc đáo tại các di tích ở Nam Định?*

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày:

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.

- GV mở rộng:

+ Toàn bộ tháp Phổ Minh được xây trên một hồ vuông, nông. Hồ có hành lang bao bọc, bốn phía cũng có cửa và các thành bậc rồng đá, sấu đá, cùng với các cánh sen ở bệ tháp, việc xây hồ bao quanh khiến tháp trở thành hình tượng búp sen khổng lồ đang nổi trên mặt nước, một hình tượng mang ý nghĩa của nhà Phật.

+ Kiến trúc Phật giáo ở chùa Cổ Lễ có sự hoà nhập các yếu tố kiến trúc truyền thống phương Đông với các nét kiến trúc Gothic thuộc thời kì trung đại ở châu Âu. Một ngôi chùa thờ Phật nhưng lại có dáng dấp một thánh đường Thiên Chúa giáo.

+ Đình Hưng Lộc được xây dựng để thờ tướng quân Phạm Cự Lương và các vị tổ có công khai khẩn lập làng. Đình được xây dựng từ thế kỉ XIV. Trải qua 600 năm, các thế hệ dân làng đã dày công tu sửa, tôn tạo

đầu quay vào phía chùa. Thân rùa nằm giữa một hồ nước hình vuông, bốn góc hồ là bốn hòn núi giả, có đắp tượng bốn con voi lớn. Nhìn chung, nét nổi bật ở đây là kiểu uốn khung cuốn vòm dáng dấp hoa sen cách điệu được xây dựng bằng vật liệu là vôi, cát và mặt. Toàn bộ thành phần kiến trúc cơ bản của một ngôi chùa nằm trong hình chữ nhật, đây là phong cách quy hoạch chùa độc nhất ở Việt Nam.

c. Nghệ thuật chạm khắc đình Hưng Lộc

- Đình làng là công trình kiến trúc và điêu khắc mang phong cách dân gian, do dân làng xây dựng, được thiết kế, thi công bởi các phường thờ ở quy mô làng xã.

- Nghệ thuật điêu khắc, trang trí thể hiện ở đình Hưng Lộc" rất phong phú, đa dạng trên các chất liệu như đá, gạch vôi, gỗ với các đề tài các linh vật (rồng, phượng lân, voi), hoa lá, con người,... cùng những thủ pháp chạm nổi, chạm kênh bong, chạm lộng...

- Trước hết là những điêu khắc, trang trí trên đá, gạch, vôi vữa thể hiện bên ngoài kiến trúc. Điêu khắc trang trí trên chất liệu gỗ ở đình Hưng Lộc để lại nhiều giá trị nghệ thuật đặc sắc. Tiêu biểu là hình tượng rồng mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn,... chạm nổi các hình rồng mây, xen vào đó là các hình hoa sen, hòm sách, tứ quý. Đặc biệt thể hiện rõ nhất là đề tài "lưỡng long châu nhật" ở trên bộ vì kèo của gian ngoài Hậu cung.

để nơi đây trở thành công trình nghệ thuật đặc sắc với những nét kiến trúc mang đậm tín ngưỡng dân gian.	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ: Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 250 – 300 từ để giới thiệu về vẻ đẹp kiến trúc và điêu khắc của một di tích tại Nam Định.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:

Chùa Phổ Minh là minh chứng cho sự gắn kết nghệ thuật của hai triều đại Lý - Trần, được xây dựng vào năm 1308, đến nay đã hơn 700 năm tuổi. Về nghệ thuật, điểm độc đáo nhất là ở bộ cánh cửa gian giữa nhà tiền đường chạm họa tiết rồng châu mặt nguyệt, trong khung hình lá đề. Về kiến trúc đặc biệt ở ngôi chùa thuộc về ngôi tháp Phổ Minh. Tháp gồm 14 tầng, bệ và tầng dưới xây bằng đá xanh mịn, 13 tầng trên được xây bằng gạch nung đỏ. Chùa là nơi lưu giữ bảo vật tháp Phổ Minh tượng trưng một thời **Hào khí Đông A – nhà Trần**. Dù đã chứng kiến những năm tháng lịch sử hào hùng từ dựng nước, giữ nước và hòa bình như ngày nay, chùa Phổ Minh vẫn còn ghi bóng những vết tích vàng son quý giá không thể thay thế

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập được giao.

BÀI 2: VẬN DỤNG CÁC MÔ TÍP NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC VÀ ĐIÊU KHẮC TRUYỀN THỐNG Ở NAM ĐỊNH ĐỂ SÁNG TẠO SẢN PHẨM MỸ THUẬT

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích nhu cầu tìm hiểu vận dụng nghệ thuật kiến trúc điêu khắc để sáng tạo sản phẩm mỹ thuật.

b. Nội dung: Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Chia sẻ ý tưởng của em về việc sáng tạo sản phẩm mỹ thuật quảng bá giá trị nghệ thuật truyền thống quê hương.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: Sáng tạo sản phẩm mỹ thuật là một cách để học tập và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Khám phá**

- a. Mục tiêu:** HS nêu được nét độc đáo của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc
- b. Nội dung:** GV cho HS tìm hiểu nét độc đáo của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc
- c. Sản phẩm học tập:** nét độc đáo của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc
- d. Tổ chức hoạt động :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp và thực hiện nhiệm vụ: Quan sát một số hình ảnh sau đây và thảo luận để tìm hiểu nét độc đáo của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc.  Gợi ý nội dung thảo luận: + Đặc điểm nổi bật về hình dáng, mô típ trang trí của công trình kiến trúc trong các bức ảnh, + Hình ảnh nào có thể trở thành mô típ trang trí trên sản phẩm? + Tên một số sản phẩm mỹ thuật truyền thống ở địa phương mà em biết. Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.	1. Khám phá -- Các nền văn hoá đặc sắc trên thế giới đều có những sản phẩm quà tặng lưu niệm đặc biệt. – - Việc sáng tạo sản phẩm mỹ thuật là dựa trên mô phỏng các công trình kiến trúc hoặc sử dụng các hoa văn trang trí độc đáo để trang trí trên sản phẩm. Hoa văn đó cần mang đặc điểm riêng của vùng miền.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học. Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: - GV chuyển sang nội dung mới.	
Hoạt động 2: Tìm ý tưởng tạo hình theo phong cách nghệ thuật truyền thống a. Mục tiêu: HS nêu ý tưởng tạo hình theo phong cách nghệ thuật truyền thống b. Nội dung: GV cho HS tìm hiểu ý tưởng tạo hình theo phong cách nghệ thuật truyền thống c. Sản phẩm học tập: ý tưởng tạo hình theo phong cách nghệ thuật truyền thống d. Tổ chức hoạt động:	
HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ và trình bày ý tưởng tạo hình theo phong cách nghệ thuật truyền thống: BƯỚC 1 Tìm hình tượng điển hình Quan sát các hình ảnh và dựa vào trí nhớ của em để tìm hình tượng hoặc họa tiết điển hình làm mô típ trang trí. BƯỚC 2 Xác định sản phẩm muốn tạo ra Suy nghĩ về sản phẩm mà em muốn tạo ra. Ví dụ: túi, thiệp, ảnh lưu niệm, tranh vẽ,... và hình dung về bố cục, màu sắc, hình ảnh chính trên sản phẩm. BƯỚC 3 Chọn phương pháp thực hành Có nhiều phương pháp thực hành khác nhau mà em đã học trong chương trình môn Mỹ thuật. Hãy chọn phương pháp thực hành em thích để hình dung các bước thực hiện tạo ra sản phẩm. Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày: gồm 3 bước: + Tìm hình tượng điển hình + Xác định sản phẩm muốn tạo hình + Chọn phương pháp thực hành. - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.	2: Tìm ý tưởng tạo hình theo phong cách nghệ thuật truyền thống - Bước 1: Tìm hình tượng điển hình. Quan sát các hình ảnh và dựa vào trí nhớ của em để tìm hình tượng hoặc họa tiết điển hình làm mô típ trang trí. - Bước 2: Xác định sản phẩm muốn tạo ra. Suy nghĩ về sản phẩm mà em muốn tạo ra. Ví dụ: túi, thiệp, ảnh lưu niệm, tranh vẽ,... và hình dung về bố cục, màu sắc, hình ảnh chính trên sản phẩm. - Bước 3: Chọn phương pháp thực hành. Có nhiều phương pháp thực hành khác nhau mà em đã học trong chương trình môn Mỹ thuật. Hãy chọn phương pháp thực hành em thích để hình dung các bước thực hiện tạo ra sản phẩm.

Hoạt động 3: Thực hành, sáng tạo

a. Mục tiêu: HS thiết kế được sản phẩm có hoa văn trang trí trong mỹ thuật truyền thống

b. Nội dung: GV cho HS thiết kế được sản phẩm có hoa văn trang trí trong mỹ thuật truyền thống

c. Sản phẩm học tập: sản phẩm có hoa văn trang trí trong mỹ thuật truyền thống

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (4HS/nhóm): hãy thiết kế một sản phẩm quà lưu niệm (2D hoặc 3D) dựa trên các biểu tượng hoặc hoa văn trang trí tiêu biểu trong mỹ thuật truyền thống ở quê hương Nam Định. * Yêu cầu – Thể hiện được mô típ, hoa văn chính trong mỹ thuật truyền thống trên quê hương Nam Định; Lựa chọn sản phẩm với chất liệu là vật liệu tái chế hoặc vật liệu thân thiện với môi trường - - Viết nội dung thuyết trình ngắn gọn để giới thiệu về sản phẩm. * Quy trình thực hành, sáng tạo sản phẩm Giới thiệu quy trình thực hành, sáng tạo sản phẩm 3D: B1. Lựa chọn một hoa văn, mô típ trong nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc để vẽ mô phỏng trên giấy. B2. Lựa chọn đồ vật muốn trang trí, sắp xếp bố cục và vẽ hình lên sản phẩm. B3. Vẽ chi tiết và hoàn thiện sản phẩm. B4. Thuyết trình, giới thiệu sản phẩm.	3: Thực hành, sáng tạo - Sản phẩm của HS. - Em có thể mô phỏng lại những hoa văn, mô típ trang trí trong nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc tại các di tích trên quê hương Nam Định. - Các họa sĩ, nghệ nhân và thợ thủ công ở địa phương nơi em ở có rất nhiều kinh nghiệm tạo mẫu Em nên tìm hiểu và có thể tạo ra mẫu sản phẩm để cũng đóng góp vào việc lưu giữ giá trị văn hoá nghệ thuật cho mai sau.





Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và thiết kế sản phẩm.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm báo cáo kết quả.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 4: Thảo luận và ứng dụng

a. Mục tiêu: HS trưng bày và giới thiệu sản phẩm

b. Nội dung: GV cho HS trưng bày và giới thiệu sản phẩm của nhóm đã thiết kế

c. Sản phẩm học tập: sản phẩm HS thiết kế

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH

Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu các nhóm: Trưng bày sản phẩm thực hành theo hướng dẫn của giáo viên và thảo luận dựa trên gợi ý sau:

+ Sản phẩm của em, của bạn đã sử dụng mô típ, họa tiết trang trí nào của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc truyền thống Nam Định + Theo em, chúng ta nên làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống?

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

4: Thảo luận và ứng dụng

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày sản phẩm và giới thiệu sản phẩm của nhóm mình.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:
- GV chuyển sang nội dung mới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Chia nhóm và thiết kế sản phẩm lưu niệm giới thiệu về nghệ thuật truyền thống trên quê hương Nam Định.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trưng bày sản phẩm:



- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV mở rộng kiến thức.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng vào bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn cuộc sống, phát huy tính tư duy và khả năng sáng tạo.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Vận dụng SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Chia sẻ ý tưởng của em để đóng góp cho việc lưu trữ truyền thống văn hoá và nghệ thuật của các công trình kiến trúc và điêu khắc ở quê hương Nam Định.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Làm bài tập được giao.

CHỦ ĐỀ: NAM ĐỊNH - NHỮNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh.
- Trình bày được những thuận lợi, khó khăn của các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất.
- Phân tích được hiện trạng sử dụng một số tài nguyên thiên nhiên của tỉnh, từ đó chỉ ra được những việc làm nhằm khai thác và sử dụng các tài nguyên thiên nhiên trong tỉnh một cách hợp lý, bền vững.
- Đọc được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Nam Định, xác định được sự phân bố các thành phần tự nhiên được thể hiện trên bản đồ tự nhiên của tỉnh.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ nhằm hoàn thành nội dung bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, hợp tác với bạn trong nhóm hoàn thành nội dung bài học..

*** Năng lực chuyên biệt:**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí để phân tích thuận lợi, khó khăn của các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất.
- Năng lực tìm hiểu: Khai thác thông tin, phát triển năng lực sử dụng tranh ảnh để trình bày đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh.
- Đọc được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Nam Định, xác định được sự phân bố các thành phần tự nhiên được thể hiện trên bản đồ tự nhiên của tỉnh

3. Phẩm chất

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động của bài học.
- Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong hoạt động của nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV GDĐP Nam Định 7
- Máy tính, máy chiếu.
- Tranh ảnh, bản đồ, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Nam Định.

2. Đối với học sinh

- SGK GDĐP Nam Định 7
- Đọc trước bài học trong SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

BÀI 1: ĐỊA HÌNH VÀ ĐẤT ĐAI

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Nam Định
- b. Nội dung:** Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.
- c. Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giới thiệu: Nam Định là một tỉnh ven biển phía Nam Đồng bằng sông Hồng với nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú.
- GV đặt câu hỏi: *Các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên ở đây có vai trò như thế nào đối với đời sống và sản xuất của người dân tỉnh Nam Định.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Địa hình

a. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm địa hình của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh.
- Trình bày được những thuận lợi, khó khăn của địa hình đối với đời sống và sản xuất.

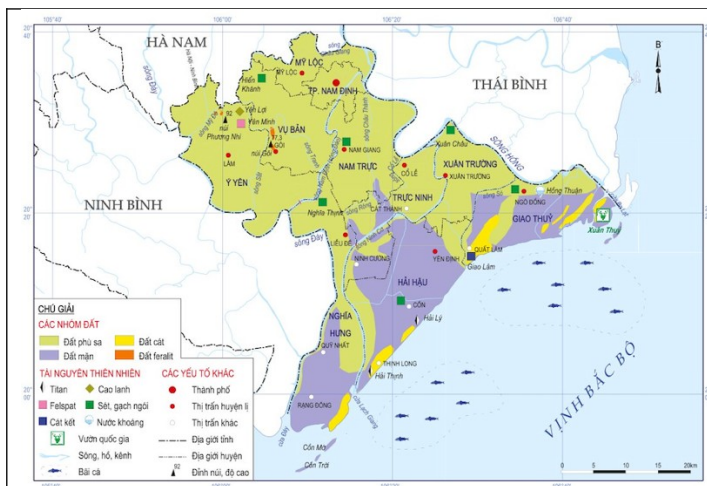
b. Nội dung:

GV cho HS tìm hiểu đặc điểm địa hình của tỉnh Nam Định

c. Sản phẩm học tập:

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm) thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn và trả lời câu hỏi: Đọc thông tin và quan sát bản đồ tự nhiên tỉnh Nam Định, em hãy: + <i>Xác định trên bản đồ cửa Ba Lạt, cửa Đáy, cửa Lạch Giang; ranh giới vùng đồng bằng và vùng ven biển.</i> + <i>Nêu những đặc điểm nổi bật của địa hình tỉnh Nam Định.</i>	1. Địa hình - Địa hình ở Nam Định nhìn chung bằng phẳng. Chỗ cao nhất là đỉnh núi Phương Nhi (cao 92,0 m so với mực nước biển), chỗ thấp nhất là ở vùng đồng bằng chiêm trũng huyện Ý Yên (- 3 m so với mực nước biển). Địa hình Nam Định có thể chia thành hai vùng chính: + Vùng đồng bằng gồm các huyện Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Mỹ Lộc và thành phố Nam Định. Đây là vùng đồng bằng thấp trũng có hệ thống sông nội đồng và các kênh thủy lợi tưới – tiêu dày đặc.



+ Vùng ven biển gồm các huyện Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy. Vùng này được phù sa sông - biển bồi đắp hằng năm.

+ Bờ biển Nam Định bị chia cắt khá mạnh. Dọc bờ biển có ba cửa sông lớn đổ ra Biển Đông là: cửa Ba Lạt (sông Hồng), cửa Đáy (sông Đáy), cửa Lạch Giang (sông Ninh Cơ).

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2: Đất đai

a. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm đất đai của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh.
- Trình bày được những thuận lợi, khó khăn của địa hình đối với đời sống và sản xuất.

b. Nội dung: GV cho HS tìm hiểu đặc điểm đất đai của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh

c. Sản phẩm học tập: đặc điểm đất đai của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH

Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: Đọc thông tin, quan sát bản đồ tự nhiên tỉnh Nam Định và hình 1, em hãy:

+ Kể tên và chỉ trên bản đồ sự phân bố của các loại đất.

+ Cho biết hiện nay các loại đất ở tỉnh Nam Định được sử dụng vào những mục đích gì.

+ Nêu các biện pháp có thể giúp tăng độ phì của đất mà em biết.

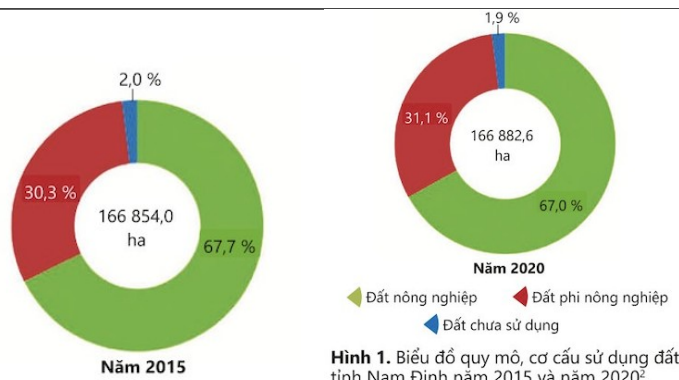
DỰ KIẾN SẢN PHẨM

2: Đất đai

- Đất phù sa (chiếm 81,9%) được phù sa bồi đắp nên màu mỡ, độ phì khá, khả năng giữ nước, giữ chất dinh dưỡng tốt và phù hợp với nhiều loại cây trồng.

- Đất mặn phân bố ở ven biển các huyện Hải Hậu, Giao Thủy, Nghĩa Hưng (chiếm gần 14,2 % tổng diện tích tự nhiên), thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản.

- Đất cát ven biển, đất feralit,... chiếm tỉ lệ nhỏ (3,9 %), phân bố xen kẽ với đất



Hình 1. Biểu đồ quy mô, cơ cấu sử dụng đất tỉnh Nam Định năm 2015 và năm 2020².

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày:

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.

phù sa và đất mặn.

- Theo mục đích sử dụng, tài nguyên đất ở - tỉnh Nam Định được chia thành ba nhóm chính.

+ Đất nông nghiệp gồm đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối,...

+ Đất phi nông nghiệp gồm đất chuyên dùng (đất xây dựng nhà xưởng, đường giao thông, công trình công cộng,...) và đất thổ cư (đất ở).

+ Đất chưa sử dụng gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng và núi đá không có rừng cây.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ:

1. Em hãy cho biết đỉnh núi được nhắc đến trong câu “Non Côi, sông Vị” có tên là gì và thuộc địa phận huyện nào của tỉnh Nam Định.

2. Em hãy cho biết đặc điểm địa hình có thuận lợi và khó khăn gì đối với đời sống và sản xuất của người dân tỉnh Nam Định.

3. Dựa vào nội dung kiến thức đã học và những hiểu biết của mình, em hãy tạo bảng theo mẫu dưới và điền các thông tin còn thiếu trong bảng.

TT	Loại đất ở Nam Định	Hoạt động sản xuất chính
1		
2		
3		

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:

1. Đỉnh núi được nhắc đến trong câu “Non Côi, sông Vị” có tên là núi Gôi ở huyện Vụ Bản.

2.

+ Vùng đồng bằng gồm các huyện Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Mỹ Lộc và thành phố Nam Định. Đây là vùng đồng bằng thấp trũng có hệ thống sông nội đồng và các kênh thủy lợi tưới – tiêu dày đặc.

+ Vùng ven biển gồm các huyện Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy. Vùng này được phù sa sông - biển bồi đắp hằng năm; có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế tổng hợp ven biển.

+ Bờ biển Nam Định bị chia cắt khá mạnh. Dọc bờ biển có ba cửa sông lớn đổ ra Biển Đông là: cửa Ba Lạt (sông Hồng), cửa Đáy (sông Đáy), cửa Lạch Giang (sông Ninh Cơ) có điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi và đánh bắt hải sản.

3.

TT	Loại đất ở Nam Định	Hoạt động sản xuất chính
1	Đất phù sa (chiếm 81,9%)	màu mỡ, độ phì khá, khả năng giữ nước, giữ chất dinh dưỡng tốt và phù hợp với nhiều loại cây trồng.
2	Đất mặn phân bố ở ven biển các huyện Hải Hậu, Giao Thủy, Nghĩa Hưng (chiếm gần 14,2 % tổng diện tích tự nhiên)	thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản.
3	Đất cát ven biển, đất feralit,... chiếm tỉ lệ nhỏ (3,9 %)	phân bố xen kẽ với đất phù sa và đất mặn.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng vào bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn cuộc sống, phát huy tính tư duy và khả năng sáng tạo.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Vận dụng SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyên giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Dựa vào hình 1, em hãy:

a. Tính diện tích các loại đất phân theo mục đích sử dụng và diễn kết quả vào bảng theo mẫu dưới đây:

Hiện trạng sử dụng đất của tỉnh Nam Định năm 2015 và năm 2020. (Đơn vị ha)

Nhóm đất	2015	2020
Tổng diện tích đất tự nhiên		
- Đất nông nghiệp		
- Đất phi nông nghiệp		
- Đất chưa sử dụng		

b. Nhận xét cơ cấu và xu hướng thay đổi của các loại đất ở Nam Định qua các năm 2015-2020.

- GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả: Hiện trạng sử dụng đất của tỉnh Nam Định năm 2015 và năm 2020. (Đơn vị ha)

Nhóm đất	2015	2020
Tổng diện tích đất tự nhiên	166 854	166 882,6
- Đất nông nghiệp	112,9	111,8
- Đất phi nông nghiệp	50,5	51,9
- Đất chưa sử dụng	3,3	3,17

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Làm bài tập được giao.

BÀI 2: KHÍ HẬU VÀ SÔNG, HỒ

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích nhu cầu tìm hiểu đặc điểm khí hậu, sông hồ ở tỉnh Nam Định

b. Nội dung: Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, cho biết:

Em hãy cho biết khí hậu và sông, hồ ở tỉnh Nam Định có những đặc điểm gì nổi bật.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Điều kiện tự nhiên nói chung, điều kiện khí hậu, sông, hồ nói riêng ở tỉnh Nam Định tương đối thuận lợi cho các hoạt động sản xuất và đời sống, nhất là sản xuất nông nghiệp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Khí hậu

a. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm khí hậu của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh.

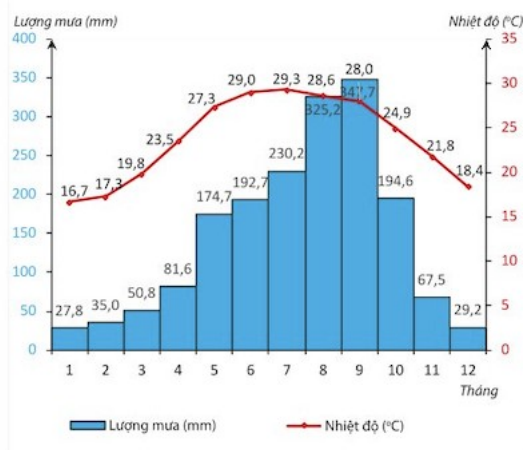
- Trình bày được những thuận lợi, khó khăn của địa hình đối với đời sống và sản xuất.

b. Nội dung: GV cho HS tìm hiểu đặc điểm khí hậu của tỉnh Nam Định

c. Sản phẩm học tập: đặc điểm khí hậu của tỉnh Nam Định

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm) thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn: + Đọc thông tin, quan sát hình 2.1 và dựa vào kiến thức đã học, em hãy 1. Tính nhiệt độ trung bình năm và tổng lượng mưa cả năm ở Nam Định. + Nêu các biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng của khí hậu tới hoạt động sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Nam Định.	1. Khí hậu - Nam Định có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đặc trưng của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. + Nhiệt độ cao, lượng mưa lớn và ít có sự phân hoá theo lãnh thổ. + Khí hậu bốn mùa xuân – hạ – thu – đông tương đối rõ. - Mùa xuân từ tháng 3 đến tháng 4 với đặc trưng thời tiết là ấm, có mưa phùn. => Cây lúa nhờ có tiết xuân mà phát triển nhanh chóng, công việc chăm sóc và chống hạn giảm thiểu đáng kể. - Mùa hạ dài nhất trong năm, từ tháng 5 đến tháng 9, thời tiết nóng nực. Lượng mưa lớn, tập trung vào các tháng có bão, rất dễ gây ngập úng. Nhưng nhờ có



Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi:

+ nhiệt độ trung bình năm là 21,3 độ C và tổng lượng mưa cả năm ở Nam Định là: 1757mm

+ Nam Định có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đặc trưng của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. Nhiệt độ cao, lượng mưa lớn và ít có sự phân hoá theo lãnh thổ. Khí hậu bốn mùa xuân – hạ – thu – đông tương đối rõ

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.

- **GV mở rộng:** Trước đây, cánh đồng muối nổi tiếng nhất tỉnh Nam Định nằm ở thôn Văn Lý, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu. Tổng số giờ nắng/ năm ở đây lên tới 1.740,2 giờ/năm (trung bình toàn tỉnh là 1 665,1 giờ/năm). Trong khi toàn tỉnh chỉ có 2 tháng khô (12 - 1) thì ở Văn Lý, do bốc hơi được tăng cường bởi gió mạnh mà có tới 4 tháng khô (từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau). Hiện nay, Giao Thủy là vùng sản xuất muối.



- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2: Sông, hồ

a. Mục tiêu:

lượng nhiệt lớn mà cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

- Mùa thu từ tháng 10 đến tháng 11, thời tiết mát mẻ, khô hanh. Đây là mùa gặt tốt nhất. Việc phơi, sấy nông sản trở nên dễ dàng hơn.
- Mùa đông từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau. Thời tiết lạnh và khô do chịu ảnh hưởng của những đợt gió mùa Đông Bắc mạnh. Đây là điều kiện để các cây rau màu ưa lạnh như cà chua, bắp cải, súp lơ, su hào, khoai tây,... có thể phát triển mạnh. Tuy nhiên, cần phải chú ý đến vấn đề nước tưới cho cây trồng.

- Trình bày được đặc điểm sông, hồ của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh.
- Trình bày được những thuận lợi, khó khăn của địa hình đối với đời sống và sản xuất.

b. Nội dung: GV cho HS tìm hiểu đặc điểm sông, hồ của tỉnh Nam Định

c. Sản phẩm học tập: đặc điểm sông, hồ của tỉnh Nam Định

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi: Đọc thông tin, quan sát bản đồ tự nhiên tỉnh Nam Định và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy : + Kể tên và chỉ trên bản đồ một số sông, trên địa bàn tỉnh. Nêu giá trị kinh tế của sông, hồ ở Nam Định. + Nêu các hoạt động bảo vệ nguồn nước sông, hồ ở nơi em học tập hoặc cư trú. + Cho biết vì sao ở Nam Định, hệ thống đê điều luôn được quan tâm và củng cố ngày càng vững chắc. Hình 2.3. Cửa Lạch Giang. Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận nhóm đôi, quan sát SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày: - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. - GV mở rộng: Sông Nam Định, còn có tên gọi khác là sông Đào, dài 33,5 km, nối sông Hồng và sông Đáy. Từ sông Nam Định ra sông Hồng, có thể ngược lên Hưng Yên, Hà Nội và lên phía bắc. Từ sông Nam Định ra sông Đáy, có thể ra biển. để xuôi xuống Ninh Bình. Thanh Hoá và vào Nam. Cạnh sông có ga Độ Chế kết nối giao thông đường thuỷ – đường sắt – đường bộ cho vùng Bắc Bộ. Trên sông, xưa có bến Đò Quan, bến Độ Chế	2. Sông, hồ - Nam Định có khoảng 530,1 km sông ngòi, trong đó có 16, sông dài trên 10 km. Các sông lớn chảy qua địa phận tỉnh Nam Định là sông Hồng, sông Đáy, sông Nam Định (sông Đào), sông Ninh Cơ. - Mật độ mạng lưới sông trung bình vào khoảng 0.33 km/km² nhưng nhờ có hệ thống kênh mương nội đồng, phân bố đều khắp trên địa bàn các huyện nên vấn đề tưới tiêu nước đã được giải quyết tốt. - Hệ thống sông ở Nam Định hầu hết đều chảy theo hướng tây bắc - đông nam và đổ ra vịnh Bắc Bộ. - Chế độ nước sông theo sát nhịp điệu mùa mưa và mùa khô của khí hậu. - Nam Định còn có nhiều ao, hồ tự nhiên => diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản tốt, đồng thời cũng là nguồn tưới tiêu tự nhiên hoặc là điểm du lịch hấp dẫn. - Nam Định còn có trữ lượng nước ngầm khá phong phú, chất lượng tốt và đang được khai thác để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, phục vụ sản xuất. - Khó khăn: nguồn nước ở một số nơi trong tỉnh đã bị ô nhiễm nghiêm trọng. Vào mùa lũ, mực nước sông dâng cao dễ gây úng lụt ở những vùng thấp, trũng.

tập nập thuyền bè, nay có cảng Nam Định với năng lực thông qua cảng lên tới 20 vạn tấn mỗi năm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS:

1. Em hãy ghép các thông tin giữa hai cột A và B dưới đây sao cho đúng.

A	B
1. Khí hậu ẩm giúp	a. Nam Định có thể tăng vụ trong trồng trọt.
2. Vào mùa đông,	b. ở Nam Định hay có bão, áp thấp nhiệt đới.
3. Gió mùa Đông Bắc là yếu tố giúp	c. nước tưới không đủ cho cây trồng.
4. Vào mùa hè,	d. cây trồng ở Nam Định sinh trưởng tốt.
5. Tổng số giờ nắng cao nên	e. Nam Định có thể đa dạng hoá các loại nông

2. Em hãy nêu các biện pháp mà người dân và các cấp chính quyền địa phương đã thực hiện để phát huy những điều kiện thuận lợi về khí hậu và sông, hồ ở tỉnh Nam Định.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:

1.

1- d

2- c

3- e

4- b

5- a

2.

- Xây dựng công trình thủy điện để điều tiết nước cho nông nghiệp

- Đa dạng các loại cây trồng và tăng nhiều vụ để phát triển ngành nông nghiệp.

- Trồng cây xanh để điều hoà khí hậu làm giảm các thiên tai.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng vào bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn cuộc sống, phát huy tính tư duy và khả năng sáng tạo.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Vận dụng SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Chọn một trong hai nhiệm vụ sau

1. *Sưu tầm tranh ảnh và thuyết trình về vẻ đẹp của sông, hồ ở địa phương nơi em học tập hoặc cư trú.*

2. *Miêu tả đặc điểm thời tiết của một trong số các mùa (xuân - hạ - thu - đông) ở tỉnh Nam Định mà em thích nhất.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập được giao.

BÀI 3: SINH VẬT, BIỂN VÀ KHOÁNG SẢN

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích nhu cầu tìm hiểu đặc điểm tài nguyên sinh vật, biển và khoáng sản ở tỉnh Nam Định

b. Nội dung: Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi cho HS: *Nguồn tài nguyên sinh vật, biển và khoáng sản ở tỉnh Nam Định có khác biệt gì so với các tỉnh, thành phố ven biển trong vùng Đồng bằng sông Hồng?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Ngoài đất, khí hậu, nguồn nước, ở tỉnh Nam Định còn có tài nguyên sinh vật và tài nguyên biển phong phú. Đây chính là nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Nam Định.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Sinh vật

a. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm tài nguyên sinh vật của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh.

- Trình bày được những thuận lợi, khó khăn của địa hình đối với đời sống và sản xuất.

b. Nội dung: GV cho HS tìm hiểu đặc điểm tài nguyên sinh vật của tỉnh Nam Định

c. Sản phẩm học tập: đặc điểm tài nguyên sinh vật của tỉnh Nam Định

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và thực hiện nhiệm vụ sau: <i>Đọc thông tin và quan sát hình 3.1, em hãy nêu các giá trị của Vườn quốc gia Xuân Thủy đối với tự nhiên và kinh tế - xã hội ở Nam Định.</i>  Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK	1. Sinh vật - Do phát triển trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đặc trưng nên hệ sinh thái ở tỉnh Nam Định đa dạng, phong phú + hệ động vật chiếm 40 %, + hệ thực vật chiếm 50 % tổng số các loài động, thực vật của cả nước. + Tổng diện tích rừng của tỉnh đến năm 2020 là 3 092 ha, chủ yếu là rừng trồng. Tỷ lệ che phủ rừng là hơn 1,8 %. - Tỉnh Nam Định có 3 hệ sinh thái rừng chính là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất, hệ sinh thái tự nhiên là Vườn quốc gia Xuân Thủy.

và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.

- **GV mở rộng:** Vườn quốc gia Xuân Thủy nằm ở phía đông nam huyện Giao Thủy, ngay tại cửa Ba Lạt của sông Hồng. Tại đây, hàng năm có khoảng 100 loài chim di cư đến, trong đó có tới 1/5 số lượng Cò mỏ thìa của thế giới, 15 loài chim nước sinh sống, nhiều khi có tên trong Sách Đỏ thế giới như Rẽ mỏ thìa, Bồ nông. Có thìa, Chơi chơi mỏ thìa, Mòng biển, Diệc đầu đỏ. Ngoài ra còn có khoảng 165 loài động vật nổi và 154 loài động vật đáy. Về thực vật, vườn hiện có 120 loài bậc cao, trong đó có nhiều loài rong tảo có giá trị kinh tế lớn.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2: Biển

a. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm tài nguyên biển của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh.

- Trình bày được những thuận lợi, khó khăn của địa hình đối với đời sống và sản xuất.

b. Nội dung: GV cho HS tìm hiểu đặc điểm tài nguyên biển của tỉnh Nam Định

c. Sản phẩm học tập: đặc điểm tài nguyên biển của tỉnh Nam Định

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn: <i>Đọc thông tin và quan sát hình 3.2, em hãy kể tên các hoạt động kinh tế biển có thể phát triển ở tỉnh Nam Định.</i> Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS ngồi vào vị trí như hình vẽ minh họa. Tập trung vào câu hỏi đặt ra. Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về chủ đề...). Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng 3 phút. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời. Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0). - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	2. Biển - Nam Định có đường bờ biển dài trên 72 km. Tài nguyên biển phong phú tạo điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển. - Vùng biển Nam Định là nơi gặp gỡ, giao thoa của nhiều bãi tôm, cá lớn của vịnh Bắc Bộ. Tổng trữ lượng cá ước tính đạt 157 500 tấn (chiếm 20 % tổng trữ lượng cá của vịnh Bắc Bộ). Khả năng cho phép khai thác 70 000 tấn. - Nghề làm muối đã phát triển từ sớm. Sản lượng muối mỗi năm đạt trên 10 000 tấn. - Các luồng lạch ở vùng cửa sông rộng lớn, tạo điều kiện phát triển ngành giao

- GV mời đại diện HS trình bày: - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. - GV mở rộng: Năm 2020, khu kinh tế Ninh Cơ (có diện tích khoảng 13 950 ha, thuộc địa bàn hai huyện Hải Hậu và Nghĩa Hưng) được bổ sung vào quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển của Việt Nam. Với vị trí thuận lợi, khu kinh tế Ninh Cơ được kì vọng trở thành trung tâm lớn trong giao thương quốc tế về công nghiệp, thương mại, du lịch và cảng biển ở phía nam Đồng bằng sông Hồng.	thông vận tải biển. - Nam Định còn có điều kiện để phát triển du lịch biển với những bãi biển đẹp như Quất Lâm (Giao Thủy), Thịnh Long (Hải Hậu),... - Khó khăn: hình thành nhiều cơn bão mạnh và áp thấp nhiệt đới gây thiệt hại lớn cho đời sống và sản xuất. Việc khai thác thủy sản ở vùng biển Nam Định không được thuận lợi như các vùng biển khác của cả nước do bị gián đoạn bởi các cơn bão, gió mùa Đông Bắc mạnh.
--	--

Hoạt động 3: Khoáng sản

a. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm tài nguyên khoáng sản của tỉnh Nam Định và các khu vực trong tỉnh.
- Trình bày được những thuận lợi, khó khăn của địa hình đối với đời sống và sản xuất.

b. Nội dung: GV cho HS tìm hiểu đặc điểm tài nguyên khoáng sản của tỉnh Nam Định

c. Sản phẩm học tập: đặc điểm tài nguyên khoáng sản của tỉnh Nam Định

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: <i>Đọc thông tin và quan sát bản đồ tự nhiên tỉnh Nam Định, em hãy xác định trên bản đồ nơi phân bố của các loại khoáng sản chủ yếu ở tỉnh Nam Định.</i> Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi. - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận: - GV chuyển sang nội dung mới.	3. Khoáng sản - Khoáng sản có trữ lượng nhỏ, chủng loại nghèo. - Có nhiều và có giá trị hơn cả là cát ở các lòng sông ven biển; sét cao lanh. - Phần lớn các mỏ khoáng sản ở Nam Định đều là mỏ nhỏ và phân tán nên khó khăn trong quản lí, khai thác. Tại một số nơi, việc quản lí khai thác khoáng sản chưa tốt, gây lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyên giao nhiệm vụ học tập

1. Em hãy kể tên các hoạt động kinh tế có thể phát triển mạnh trên cơ sở điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên vùng đồng bằng và vùng ven biển của tỉnh Nam Định.
2. Em hãy lựa chọn và phân tích giá trị của một loại tài nguyên thiên nhiên mà em thấy có ý nghĩa quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh Nam Định hiện nay.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:
 1. Các hoạt động kinh tế có thể phát triển mạnh ở Nam Định như: cảng biển, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản,...
 2. Nam Định có đường bờ biển dài trên 72 km. Tài nguyên biển phong phú tạo điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- Vùng biển Nam Định là nơi gặp gỡ, giao thoa của nhiều bãi tôm, cá lớn của vịnh Bắc Bộ. Tổng trữ lượng cá ước tính đạt 157 500 tấn (chiếm 20 % tổng trữ lượng cá của vịnh Bắc Bộ). Khả năng cho phép khai thác 70 000 tấn.
- Nghề làm muối đã phát triển từ sớm. Sản lượng muối mỗi năm đạt trên 10 000 tấn.
- Các luồng lạch ở vùng cửa sông rộng lớn, tạo điều kiện phát triển ngành giao thông vận tải biển.
- Nam Định có điều kiện để phát triển du lịch biển với những bãi biển đẹp như Quất Lâm (Giao Thủy), Thịnh Long (Hải Hậu),...
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV mở rộng kiến thức.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng vào bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn cuộc sống, phát huy tính tư duy và khả năng sáng tạo.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Vận dụng SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyên giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Em và các bạn đã làm gì để bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở quê hương?
- GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập được giao.

